

中 圻 醫 學 會 醫 藥 叢 書  
Trung-kỳ Y-học hội Y-dược tùng-thư

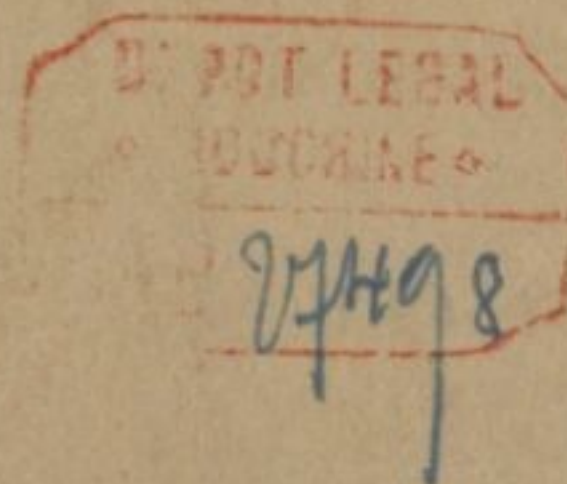
越 南 藥 學  
**VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC**

*TẬP THỨ NHẤT*

**10 cây thuốc chữa 100 chứng bệnh**

**PHÓ - ĐỨC - THÀNH**

Trong bộ biên-tập hội Y-học Trung-kỳ  
(In lần thứ hai)



160

Indochine

1804

**Mai-Linh xuất-bản**

1878



---

## *Cùng các độc-giả :*

Ông Phó đức-Thành quản lý - vĩnh-viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo-cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ  
***Việt-nam dược-học***

này thật là một sự ích-lợi cho quốc dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương-pháp thực-hành đề phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng thể chữa được. Vả lại những cây mà ông nghiên-cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giống ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho :

***mọi người và mọi gia-đình***

Xuất-bản một bộ sách như bộ Việt-nam dược học này rất là công-phu và tốn kém không phải là công việc một người làm nổi nếu không có quốc-dân ủng hộ Vì vậy chúng tôi mong ở lòng sốt sắng của các ngài đối với y-học nước nhà đặt mua và cổ động giúp cho để chúng tôi đạt được mục đích thì chúng tôi lấy làm đa tạ lắm.

Xin xem thể lệ ở bìa ba

---



Biage 2000 of,  
Hanoi 2/1/42  
P.M.L.

中 圻 醫 學 會 醫 藥 叢 書  
Trung kỳ Y-học hội Y-dược tùng-thư

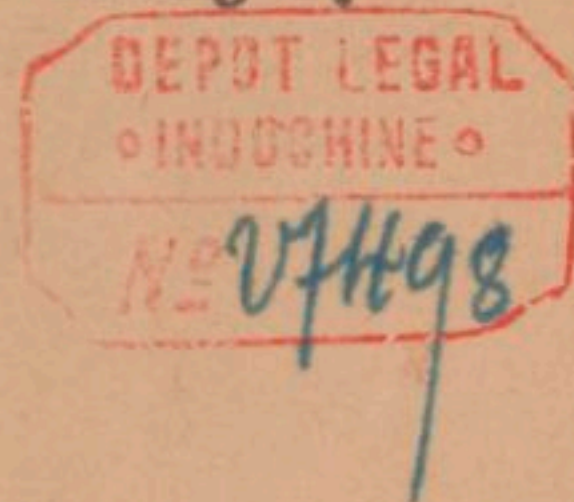
越 南 藥 學  
**VIỆT-NAM ĐUỐC HỌC**

TẬP THỨ NHẤT

10 cây thuốc chữa 100 chứng bệnh

PHO DUC THANH

Trong bộ biên-tập hội Y-học Trung-kỳ  
(In lần thứ hai)



HANOI - HAIPHONG

**Mai-Linh xuất-ban**

SAIGON - PHUCYEN

16° Indoch

~~1778~~ 1204



9. 11. 9

Office



**Việt-Nam duoc hoc**  
Mai - Linh xuất - bản



## *Các sách khảo-cứu*

---

- |      |                        |                       |
|------|------------------------|-----------------------|
| 1.—  | Nam dược thần-hiệu.    | Cự Tuệ-Tĩnh,          |
| 2.—  | —                      | Cự -hải-Thương        |
| 3.—  | Sách thuốc gia truyền. | Hoài-Nâm Nguyên-Hiến  |
| 4.—  | Thầy nhà lá vườn.      | Phạm-dụng-Hanh        |
| 5.—  | Sách thuốc mường.      | Lê-xuân-Kỳ.           |
| 6.—  | Y-Tế nam-châm.         | Nguyễn-văn-Huỳnh.     |
| 7.—  | Y-Dược giải-âm.        | Tạ-phúc-Hải.          |
| 8.—  | Bản-thảo đồo-kinh.     | Tô-Tung (Đời Tống)    |
| 9.—  | — Diễn-nghĩa           | Chu-dan-Khê. (Nguyên) |
| 10.— | — Kinh-sớ.             | Trừu-hy-Ung (Minh)    |
| 11.— | — Cương-mục            | Lý-thời-Trân (Minh)   |
| 12.— | — Cầu-chân             | Hoàng cung-Tú (Thanh) |
| 13.— | Thuốc-Nam              | Bùi-khắc-Mân.         |
| 14.— | Sánh-thuốc             | Fra. Mighe.           |
| 15.— | Các Tạp-chí—các báo.   |                       |



## TỰA

Tôi mới được xem bộ « VIỆT NAM DƯỢC HỌC » nhận là rất có giá trị. Tôi xin vui lòng giới-thiệu cùng đồng-bào Việt-nam ta.

Bộ sách này do ông Phó-đức-Thành soạn ra. Vốn từ lâu ông đã đem hết năng-lực, nghiên-cứu, sưu-tầm những tài-liệu về kinh-nghiệm trong môn chữa thuốc Nam. Sau khi dự bị đầy đủ tài liệu, tác-giả đã đem bộ sách ra trình bày ; Hội Y-học Trung-kỳ đã lập một ban biên tập để duyệt lại và chăm-chước cho được hoàn toàn về các phương diện.

Gập tình thế đặc-biệt ; thuốc Tây và thuốc Tàu, chẳng những là lên giá, mà lại có nhiều vị thiếu hụt ; e có một ngày kia, đồng bào ta sẽ không thuốc mà dùng.

Chấn-hưng Nam dược là một vấn đề quan-trọng trong lúc này.



Lịch-trình tiến-hóa sẽ đưa thuốc Nam chiếm địa-vũ ưu-thắng trong nền y-giới nước nhà. Vì những lẽ kể trên, nên bộ sách này được mang ra công-hiến đồng bào. Trong sách có « 120 cây thuốc Nam chữa được nhiều chứng bệnh, tra ở trong sách, bịnh nào lấy cây thuốc ấy mà chữa cho được dễ dàng và chóng thấy hiệu-nghiệm.

Sách này ra đời, tức là đã đem các tài liệu cần thiết hy-vọng giúp ích cho đồng bào, không những hiểu biết được các cây thuốc Nam, nhưng còn có thể, tự tìm kiếm lấy giống mà trồng và khi ứng dụng lại được noi theo những phương-pháp thiết thực và hợp-lý mà tự-trị. Phàm những người đã xét rõ ràng : chỉ có sự hiểu biết « Thuốc Nam » mới là cái pháp môn tốt nhất để tỏ ra là vật trí báu của nước nhà, thời chắc sẽ lấy làm hoan-ngình lắm.

Y-khoa là một ngành khoa-học, càng lên càng cao, càng dò càng sâu ; với cuốn sách này, tuy chưa dám nhận là đầy đủ, nhưng cũng tin chắc sẽ giúp ích cho đồng bào nhiều phương diện.

**PHAM ĐAT**

Vĩnh-viễn hội viên Trung-kỳ Y học-hội  
Hữu-viện-phán Thái-y-viện.

HUE



## TỰA

Hội y-học **Trung-kỳ** có đưa cho tôi coi bộ « **Việt-nam dược-học** » này có 120 cây thuốc chữa đủ chứng bệnh, của ông Phó-Đức-Thành, quản-lý của hội đã soạn ra, tôi lấy làm vui lòng, nhân đó sắp một bài tựa để giới thiệu cùng quý độc-giả yêu chuộng thuốc Nam.

Ông Phó-Đức-Thành là một nhà buôn thuốc bắc đã lâu năm ở tỉnh Nghệ-an ; ông chợt nhớ lại có câu người Tàu nói: « An-nam nằm trên đồng thuốc mà chết ». Nhân ông lại là nhà buôn và bào chế thuốc bắc, có óc khảo cứu về thuốc Nam vì câu nói người Tàu, nên ông có sáng-kiến, đặt cho tôi mục đích, bàn với mấy ông bạn đồng chí lập thành hội y-học **Trung-kỳ** tại tỉnh Nghệ-an, hợp tất cả các nhà danh-y trí thức khảo-cứu thuốc nam.



Từ khi Hội Trung kỳ y-học thành lập đến giờ đã khảo cứu tìm ra được những cây thuốc nam rất giá trị, vì vậy đã nhiều lần chúng bày công bố những cây thuốc nam ấy, chính-phủ Đông-pháp cũng chứng nhận là một khoa-học về y-lẽ rất có ích-lợi về tương-lai, mà viện Hàn-Lâm y-học bên Pháp cũng chú ý.

Chính-phủ Đông-Pháp đã tán thành và khuyến khích không những là bằng lời khen ngợi mà bằng một số bạc phụ cấp cho Hội Trung-kỳ y học để khích lệ việc sưu tầm thuốc nam.

120 cây thuốc này ông Phó đức-Thành đã có công thí-nghiệm, cái công dụng của nó dễ hiểu và dễ dùng, rất hiệu nghiệm nên đem ra công bố trước cách lập phương đối chứng, cây nào chữa bệnh gì, soạn giả đã phân thuyết ở sau này, chớ đọc giả đọc kỹ mà nghiệm thấy : nhưng cây thuốc này chưa đủ các chứng bệnh thực.

Khuyến các tư gia mỗi nhà nên trồng ở trong vườn 120 cây thuốc này, và mua một bộ sách này làm vật gia dụng, phòng khi gặp phải cần dùng, nơi xa thầy xa thuốc, tùy theo chứng bệnh mà dùng. Nhất là các thầy lang Ta, cũng nên chú ý về cái công dụng của 120 cây thuốc này.

Nếu bảo rằng : vì môn thuốc Nam có cây không hay thì sao những loài thú ở trên rừng chỉ ăn cây lá, mà những loài thú ấy như hươu, nai, gấu,



vân vân. . . có con sống lâu hàng mấy trăm năm :  
và nhung của hươu lại quý ?

Ông Phó-đức Thành cùng hội Y-học Trung-kỳ đã dụng công nghiên-cứu sưu tầm thuốc Nam ở các rừng núi như là ở Vịnh cư, Trúc-lâm, Đại sơn lâm, nắm gai nếm thuốc đem về thí nghiệm, lại lấy những cây thuốc ấy đem về trồng tại đồn điền Yên lập để sau dùng mà ở đây ai ai cũng thấy được.

Tôi thấy ông Phó-đức-Thành là Quản-lý vĩnh viễn hội Y-học Trung-kỳ có công khảo-cứu về khoa học thuốc Nam, giúp ích cho quốc-dân, tôi rất hoan - nghênh ; lại thấy 120 cây thuốc trên này rất có ích mới ra đời ở bộ sách này. — Sách không phải là văn - chương lý luận nhưng mà thiếu-thực, — nên tôi cũng vui lòng mà tán thành viết bài tựa này giới thiệu cùng độc-giả.

### **Bùi - huy - Tín**

Chủ nhiệm Báo Tràng-An Huế  
Thưởng-thụ Ngũ-hạng Bắc-dầu-bội-tinh  
Ăn-nghĩa Hội-viên Hội Y-Học



## LỜI NÓI ĐẦU

---

Người Tàu bảo : « Người Việt-nam nằm trên đồng thuốc mà chết » Nghĩa là họ ché ta trong nước có đủ thứ thuốc chữa bệnh mà không biết dùng nên ôm bệnh mà chết.

Có thể thực ! Có đi đây đi đó, lên rừng xuống bể, ra Bắc vào Nam, dò xét hỏi han, thời mới biết nước ta có nhiều cây thuốc thật ; có thứ thay được những các cây thuốc ở bên Tàu đem bán cho ta ; lại còn nhiều thứ cây thuốc chữa bệnh theo phương - pháp riêng của ông cha ta đã kinh-nghiệm nhiều đời, ta thường gọi là thuốc gia-truyền.

Những cây thuốc này ít ai biết đến, ít ai thí nghiệm, lại ít ai truyền bảo cho nhau, nên cũng ít ai biết được chắc chắn cái công hiệu quý hóa của nó.

Ta lại chỉ sẵn của người mà theo dùng, dùng một cách theo về tập-quán. Đến nhà thuốc Tây thì hiếm, thuốc Tàu thì đắt ; mới đề ý tìm tòi đến các cây thuốc mọc ở xứ mình. Muộn lắm rồi ! Của quý của ông cha đã kinh-nghiệm, không ai đề ý đến, nên nay đã mất quá nửa rồi ; mà mất đi là mất hẳn, vàng ngọc khôn chuộc lại ! Đáng tiếc thay ! ..



May sao hai bộ sách Nam-Dược của cụ Tuệ-Tĩnh, của cụ Hải-Thượng Lãn-ông, ghi chép giữ gìn được ít nhiều cây thuốc và ít nhiều bài thuốc kinh-nghiệm. Nhưng lại tiếc thay ! Cửa có đó mà ta không biết dùng, hình như của quý mà ta chỉ : xem như một vật không có giá trị. Bởi sao vậy ? Bởi sách chỉ ghi chép sơ lược, chú-thích không rõ. Cây thuốc nhiều tên, mỗi nơi gọi một khác ; có cây giống tên mà khác hình ; có cây giống mình mà khác tên. Kìa như lá Ngón-vàng, lá Ngón-dắt, lá Vằng đều thuộc về loài cây leo cùng giống lá : thế mà mỗi cây công hiệu một khác ; Lá ngón vàng (Đoạn-trường-thảo) uống vào đứt ruột mà chết ; củ Ngón-dắt, lá Ngón-dắt (Phòng-kỷ) uống chữa tê mỏi ; còn lá Vằng uống tiêu bồ, đàn bà đẻ hay uống.

Sai một ly đi một dặm, không cẩn thận thì nguy cho nên trong sách có nhiều bài hay, mà có ít cây không rõ, nên không dám dùng : mà cũng chẳng dám mách ai, làm sao ? Làm phúc lại mang lấy tội.

Hai bộ sách có giá-trị dường nào, mà không thể đem thực-nghiệm hết cả được, bởi thế sách có đã lâu mà người Nam biết thuốc Nam không có bao nhiêu.

Cứ đem các cây thuốc nam, các bài thuốc ở trong hai bộ sách ấy ra mà chú-thích rõ ràng, hình vẽ phân minh, và thí-nghiệm công-phu, thì cũng đủ-chán thuốc dùng. Rồi sau có thể nhân đó mà phát minh vô số thuốc khác.

Cùng một mục-dịch ấy mà bao lâu nay Hội-Y-Học



Trung-kỳ chúng tôi ra công sưu-tầm khảo-cứu và thí-nghiệm, đã thấy có ít kết quả tốt đẹp.

Cái kết-quả ấy, nay chúng tôi cho ra mắt cùng Quốc-dân, trước là ghi giữ lấy của quý còn lại, sau để cùng nhau thí nghiệm, thực hành thêm. Xem cái kết quả ấy còn to bằng bao nhiêu nữa.

Bộ sách này ra đời ấy cũng là muốn một trong sự thực hành của Hội-Y-Học Trung-kỳ Toàn bộ có 12 quyển.

Mỗi quyển chỉ vẽ mười cây thuốc, toàn là những cây thuốc thông thường phần đông biết hình sắc, biết tên, nhưng chưa rõ cái công hiệu thiết-thực của nó.

Mười cây thuốc như thế mà chữa được đến 100 bệnh chứng, chắc nhiều người lấy làm lạ cho là nói hoang đường. Ấy, nó còn chữa được nhiều hơn chứng ấy, chúng tôi chỉ trợn các bệnh chứng đích đáng mà thôi.

Ước mong làm sao, ở thôn quê, nhiều nhà biết sách này, lại trồng xung quanh vườn các cây thuốc này được tốt tươi, đến khi lâm bệnh, tra ở trong sách, bệnh nào lấy cây ấy mà chữa, chắc cũng có giúp ích được phần nhiều.

Bệnh gì cũng vậy trước nhẹ sau nặng, lúc mới mắc phải, có thuốc chữa được khỏi ngay, thì thân thể làm gì còn ốm-hèn, mà phải dùng đến thuốc bổ như : Sâm, Quy, Thục, Thược cho mất tiền.

Ước mong làm sao ai đã đem các cây thuốc nói trong bộ sách này mà chữa bệnh, thấy kết quả làm sao mạch dùm cho Hội-y-Học chúng tôi được biết rõ hơn đề sau này có in lại được chu-đáo hơn.

**Phó-đức-Thành**



## Bảng kê 10 cây thuốc nam



1. Bồ-công-Anh
2. Hoắc hương
3. Hương-nhu
4. Kinh-giới
5. Ich-mậu

6. Ngải-cứu
7. Nhọ-nồi
8. Rau-má
9. Tử-tô
10. Thương-nhị



## 100 Chứng bệnh



- |                                           |                                        |
|-------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. Bụng đau.                              | 13. Đản-bà-đẻ huyết ra<br>nhiều quá.   |
| 2. Bị-thương                              | 14. Đau đầu chóng mặt.                 |
| 3. Cầm-hàn.                               | 15. Đau đầu một bên hay<br>chính giữa. |
| 4. Cước-khi.                              | 16. Đau ngực và sườn.                  |
| 5. Chân lở.                               | 17. Đau xóc.                           |
| 6. Chân tay phát đĩnh.                    | 18. Đại-tiện ra máu.                   |
| 7. Chân tay sưng đau                      | 19. Đĩnh-độc.                          |
| 8. Chó-dại cắn.                           | 20. Đầu và cổ bị phong<br>tê cứng      |
| 9. Đản-bà đẻ bị bệnh ly.                  | 21. Gái mới có kinh hay<br>đau bụng.   |
| 10. Đản bà-đẻ bị huyết<br>bế không thông. | 22. Giống độc cắn.                     |
| 11. Đản - bà-đẻ có máu<br>cam.            | 23. Hạ-nang xưng đau.                  |
| 12. Đản - bà - đẻ có máu<br>xâm.          |                                        |



- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| 24. Ho.                | 51. Mũi và miệng chảy máu. |
| 25. Hóc.               |                            |
| 26. Hoác-loạn.         | 52. Mụn chứng cá.          |
| 27. Hoàng-dẫn.         | 53. Mụn lở.                |
| 28. Huyết-bạch.        | 54. Mụn phát sau lưng.     |
| 29. Huyết băng.        | 55. Nôn mửa.               |
| 30. Huyết lậu.         | 56. Nứt cứt.               |
| 31. Huyết trưởng.      | 57. Nhọt vú.               |
| 32. Kiết.              | 58. Phong hủi.             |
| 33. Khó đẻ.            | 59. Quai-bị.               |
| 34. Lậu.               | 60. Răng chảy máu          |
| 35. Ly.                | 61. Răng đau.              |
| 36. Lỗ tai chảy mủ.    | 62. Sín lại.               |
| 37. Lở giữa bàn tay.   | 63. Sốt rét.               |
| 38. Lưỡi chảy máu.     | 64. Tả.                    |
| 39. Lưỡi đen.          | 65. Tia lưỡi.              |
| 40. Lưỡi trắng.        | 66. Tiểu-tiên bí.          |
| 41. Mắt có mộng thịt.  | 67. Tiểu-tiên ra máu.      |
| 42. Mắt đau.           | 68. Thai bị đau bụng.      |
| 43. Mắt toét.          | 69. Thai bị đẻ non.        |
| 44. Máu cam.           | 70. Thai bị thương hàn.    |
| 45. Miệng hôi thối.    | 71. Thai chết trong bụng.  |
| 46. Mồ hôi không ra.   | 72. Thai động.             |
| 47. Mồ hôi trộm.       | 73. Thai mửa ra nước chua. |
| 48. Mộng-tinh.         |                            |
| 49. Mũi nước.          | 74. Thở huyết.             |
| 50. Mũi chảy nước đục. | 75. Thuốc bền răng.        |



- |                                |                                     |
|--------------------------------|-------------------------------------|
| 76. Thuốc bổ trẻ con.          | 88. Trĩ.                            |
| 77. Thuốc cầm máu.             | 89. Trẻ con bị phong vào<br>lỗ dún. |
| 78. Thuốc chữa nha<br>phiến.   | 90. Trẻ con cam ly.                 |
| 79. Thuốc dã rượu.             | 91. Trẻ con cam sang.               |
| 80. Thuốc đen tóc.             | 92. Trẻ con chậm mọc<br>tóc.        |
| 81. Thuốc đẹp da.              | 93. Trẻ con kinh giản               |
| 82. Thuốc tắm trẻ con.         | 94. Trẻ con lở lảy.                 |
| 83. Thương hàn khí<br>suyễn.   | 95. Trẻ con phát nóng.              |
| 84. Thương - hàn phát<br>nóng. | 96. Trẻ con thoát giang.            |
| 85. Thương thử                 | 97. Trúng phong.                    |
| 86. Thủy thũng.                | 98. Vết lở loét.                    |
| 87. Tràng nhạ.                 | 99. Vôi ăn tay.                     |
|                                | 100. Yết-hầu.                       |



## Mây điều cần thiết

---

1. — Các cây thuốc ở đây phải nhận cho kỹ hình sắc và công-dụng của nó.

2. — Muốn dùng các cây thuốc này cho khỏi lầm, cần phải nhận kỹ các bệnh chứng rõ ràng, bệnh nào thuốc này.

3. — Đây nói cân là cân lạng Tàu. Ai muốn đối chiếu cân lạng của Tàu với cân lạng của Tây cũng dễ : cứ mỗi lạng Tàu là 37gr78. Một đồng là 3gr77 Một cân 604gr. Nếu không có cân thì lấy tay bốc làm chừng, cũng không can-hệ mấy, vì cây thuốc không có chất độc.

4. — Dùng thuốc đã khỏi, có uống thêm thì chỉ uống thêm một hay hai liều là cùng, không nên uống nhiều quá.

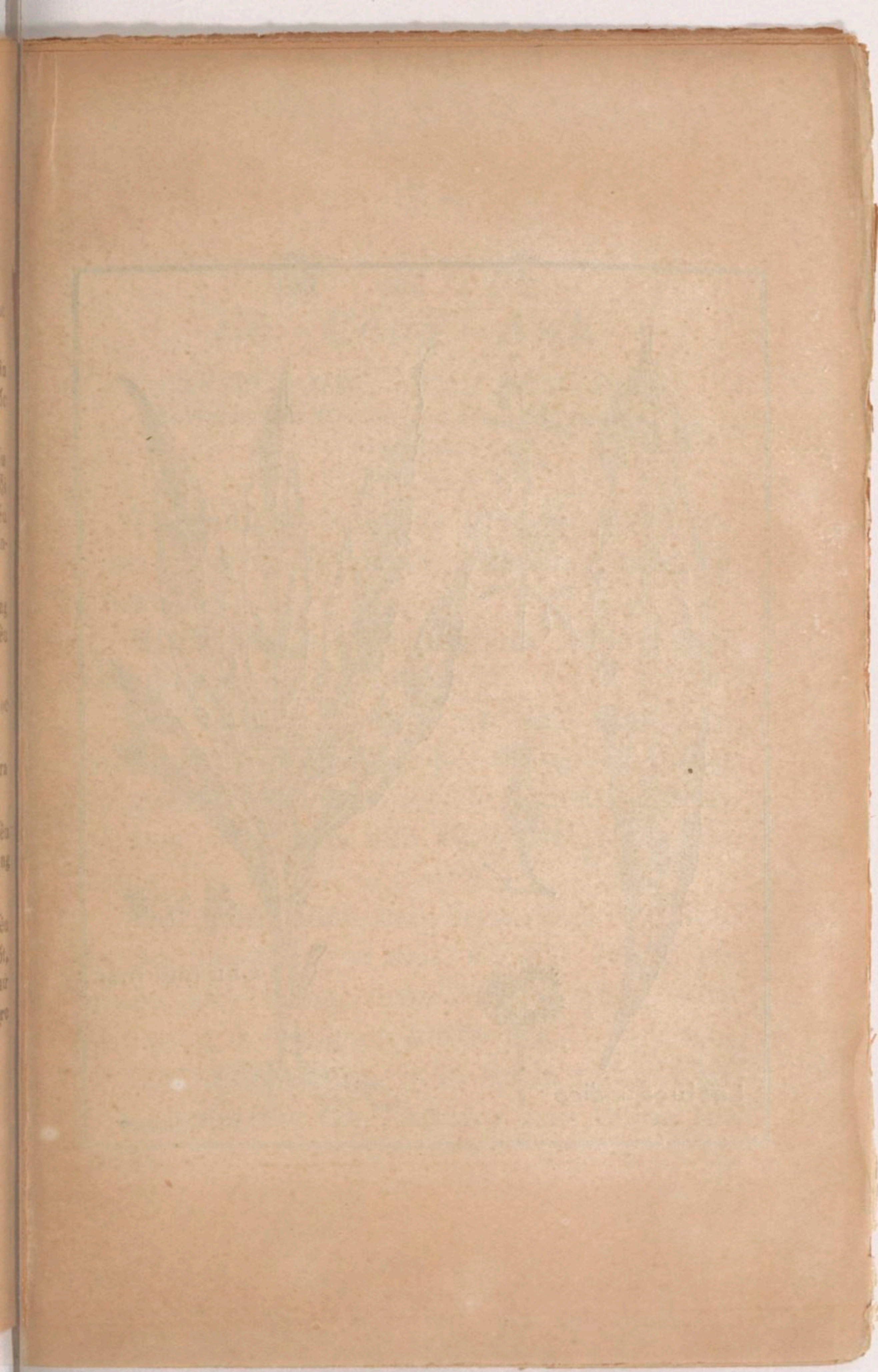
5. — Khi sắc thuốc phải cho sạch sẽ, cần thận, lọc trong.

6. — Thuốc đã sao thì sau khi được rồi phải đổ ra chỗ đất sạch cho hỏa khí bốc đi.

7. — Trong 100 bệnh này, cũng có bệnh còn nhiều cách chữa, nhưng không ở trong 10 vị này thì không chép đến.

8. — Cuốn sách này khi in lần thứ nhất đã được nhiều người lấy một đôi vị ra thí nghiệm thấy có kết quả tốt, đã biên thư về báo cho bản-hội biết. Nên khi in lần thứ hai này dưới bài thuốc nào mà có thêm đoạn « **thực nghiệm** » là để tỏ vị thuốc ấy đã có người dùng thử.









Lactuca indica



蒲公英

Cây mũi mác

Chữ hân



蒲 公 英  
*Bồ - Công - Anh*

CÂY MŨI - MÁC -- RAU DIẾP - DẠI  
*Taraxacum officinale — Lactuca altissima.*  
Pissentit.

**Thổ sản.**— Nước ta nơi nào cũng có, mọc ở vườn, đất hoang. Thường mọc về mùa xuân.

**Hình sắc.**— Bồ-công-anh thuộc loài rau diếp có nhiều giống:

Một giống lá nhỏ và dài, thân cây thấp, như lá diếp đắng, tiết tháng hai tháng ba giữa cây trổ lên một cái nõn thẳng, trên có hoa như hoa cúc vàng, bề ra có sữa trắng.

Một giống thân cao, trên ngọn có nhiều lá áp vào thân, lá nhỏ và dài trong có nhiều sữa trắng; trên nõn có nhiều hoa sắc vàng ở trong có nhiều tua.

Một giống nữa, thân và lá cũng như thế, nhưng sắc tia. Thử này làm thuốc tốt hơn.



Một giống nữa, mọc lan trên đất, lá mặt trên sắc xanh-lục, mặt dưới tím-lục, hoa cũng tím, tục gọi là Tử-hoa-địa-dinh; cây có hoa vàng gọi Hoàng-hoa-địa-dinh; cây có hoa trắng gọi Bạch - hoa - địa - dinh; cây không có hoa gọi Địa đảm-thảo.

**Tính chất.**— Cả mấy giống đều có tính hòa-bình, không độc, khí hân vị đắng mùi nồng.

**Tốt xấu.**— Thứ nào lá nhỏ và dài, thân và cành sắc tím là tốt hơn.

**Cách trồng.**— Chỗ nào cũng có thể trồng được, nhất là đất ướt-nhuận thì hơn; deo bằng hột.

**Mùa hái.**— Tháng tư, tháng năm vừa độ có nhiều sữa, hái về rửa sạch, phơi trong im cho khô (âm-can). Dùng thứ tươi thì tốt hơn.

**Công dụng.**— Giải nhiệt độc và tán trệ-khi, chữa nhọt vú sưng lên có hạch; thanh huyết và thêm sữa, bổ da dày và lợi tiểu-tiện; chữa bệnh lâm, lậu và bệnh thủy-thũng.



**Phân lượng.**— Dùng từ đồng rươi đến ba đồng.

**Cấm kỹ.**— Phàm bệnh không có thấp-nhiệt ung-độc không nên dùng.

**Khảo chứng.**— Các sách thuốc Tàu nói : 1.) Vương phải chất độc của tinh-chấp con Đường lang (Ngựa trời hay bò Ngựa sinh ra nhọt lở (hồ-niêu-thích)... lấy mủ Bồ-công anh bôi vào là khỏi. (Tô-tụng).

2.) Bồ-công-anh giải thực-độc, tán trệ-khi, hòa nhiệt-độc, tiêu ác-thũng và kết-hạch, đình-sang. (Chu-đan-Khê)

3.) Bồ-công anh dùng để xát răng, vừa trừ sâu vừa làm cho bền răng ; lại làm đen râu tóc và mạnh gân cốt. (Lý-thời-Trân)

4.) Bồ-công-anh vị ngọt, tính hòa bình, không độc vào Can và Vị, giải nóng, mát huyết ; chữa nhọt độc ở vú sưng - thũng rất hay. Nhai sống nuốt nước, còn bã đắp ngoài, thì tốt hơn xác uống. (Trừu hy Ung)

5.) Dầu vú (nhũ-dầu) thuộc Can ; buồng vú (nhũ-phòng) thuộc Vị (dạ dày) ; chứng nhũ ung, nhũ-nham vì nóng quá huyết trệ



lại, dùng Bồ-công-anh là thuốc vào hai kinh ấy, bên ngoài đặt cho khỏi sưng, bên trong uống với các vị như ; Hạ-khô-thảo, Bối-mậu, Liên-kiều và Bạch-chỉ để tiêu độc. (Hoàng-cung-Tú)

6.) Bồ-công-anh cây non làm rau ăn, cây già dùng làm thuốc, là một cây thuốc đáng quý ; không chỉ dùng chữa một chứng đau vú mà thôi. (Vương-sĩ-Hùng)

Người Nhật-bản nói : Thuốc Tầu thường dùng rễ Bồ-công-anh chữa hoàng - đản ; thuốc Tây cũng có dùng. Trong các hàng thuốc ta (Nhật bản) cũng có bán để làm thuốc bổ dạ-dày.

Người Âu - châu nói : Đọt cây này đã lên cao rồi, thời có nhiều sữa trắng, vị rất đắng, mùi như thuốc phiện. Sữa ấy Bác-sỹ Duncan người Anh bắt đầu thử dùng chữa bệnh ; sau tiếp đến Bác-sỹ Aubergier người Pháp cũng dùng ; đều thấy được kết quả tốt. Sữa ấy đặt tên là Lactucarium, sữa này khi mới chảy ra sắc trắng, sau đặc lại biến ra sắc nâu - đen, không dính bằng thuốc



phiện ; lúc rần rồi, dễ bẻ gãy. Hòa thêm một tí thuốc phiện vào nhựa Bồ-công-anh, có thể làm thành một vị thuốc chữa ho.

Ông Galien dùng nhựa Bồ-công Anh chữa khỏi bệnh đau dạ-dày, sau lại dùng làm thuốc « mê » nữa.

Bác sĩ Duncan và Bidault đã công nhận rằng Bồ-công-anh cũng có công hiệu như chất nhựa nha-phiến, có khuyên các đồng nghiệp nên dùng thay nha-phiến.

Ông Y. Clément nói : Rễ nó có chất thông tiểu-tiện, nên dùng chữa bệnh lậu, chữa phong thấp, lại có chất đắng nên dùng làm thuốc nhuận táo, và thuốc trị-cờn. Lá nó có nhiều chất nhũ dùng làm thuốc tư-nhuận, sắc uống khỏi bệnh táo, chữa tý, vị yếu hèn và giải nhiệt. Ngọn non cũng dùng làm thuốc « dễ ngủ » và chữa bệnh « đau đầu ».

Ông Groffroy nói chắc rằng : « Bồ công-anh làm thuốc yên tâm thần, bớt lo nghĩ, lành bệnh nấc bệnh ợ ».

Bác-sỹ Brel có nói trong báo Guérir



rằng « Người xưa cho cây bồ-công-anh vào hạng cây lợi tiểu-tiện và có khí hàn. P.J. Baptiste Chomel dùng rễ để điều hòa tiểu-tiện, chữa sốt rét đau bụng, bệnh sa lâm, chữa ho, chữa phong-thấp thì sắc nước hòa với sữa, sữa một phần, thuốc một phần, gia vào một ít đường, ngày uống hai lần, sáng và chiều. Ông Mathiole thường dùng với rau Muống để chữa bệnh ly. Ông Parkinson dùng rễ và lá nấu với rượu vang để chữa bệnh đau phổi và chứng sốt rét. Ông Ethmutler cũng nói nó có công hiệu chữa bệnh sốt-rét rất hay. Ông Gardel đã thí-nghiệm nhiều lần và đã xét ra rằng: những người bị sốt-rét, mình mẩy khô ráo, rất nên dùng nó, hay hơn thuốc ky-ninh (quinine). Ông Barbette dùng nhựa bồ-công-anh và mấy vị thuốc nữa để chữa các bệnh ở trong như bệnh đau phổi.

« Bồ công-anh lại có chất hòa huyết. Lá nấu lấy nước uống lợi được tiểu-tiện. Đâm nhỏ lấy nước chữa bệnh ung-nhot và các chứng đau mắt.

« Năm 1829 ông Thilang dùng rễ và lá



nó đề lợi tiểu-tiện, chữa cước-khi và sốt rét. Hiện nay người Anh đang khảo cứu. Ông Power và Broning đã phân chất rễ nó, đã xét ra có sức lợi tiểu-tiện là đúng. Dùng ba bốn thước rễ còn tươi, nấu trong một lít nước, cho sôi trong 10 phút, rồi uống mỗi ngày 4 chén lúc ăn cơm.

« Bồ công anh không những chỉ dùng làm thuốc mà thôi, ta còn thường dùng làm rau ăn, vì nó có vị thơm, làm gia-vị rất hợp».

Sách Thực-vật-học có nói đã đem phân chất cây Bồ-công-anh thì thấy rễ nó có những chất như Nhân sâm, Long đởm và Khổ-thái : mủ nó ngào thành cao uống thay được café ; hoặc sao tán ra bột lẫn với café ; để làm thuốc lợi tiểu - tiện, thanh huyết, giải nhiệt và tiêu đình-nhọt.

Ông Chu-chấn-Hanh nói : «Hợp với kim-ngân - hoa sắc lên chế vào một ít rượu chữa nhọt vú sưng đau ; hễ uống rồi mà muốn ngủ, tức thuốc chuyển ; ngủ một



giấc thức dậy hơi có đậm dập mồ-hôi là bệnh khỏi».

Xưa Việt-Vương gặp một dĩ-nhân truyền cho bài «Hoàn-thiếu-đơn» làm thuốc bền răng, cứng gân cốt, người già uống, râu tóc đen lại, răng rụng rồi lại mọc. Uống bài thuốc ấy đến già vẫn khỏe mạnh. Bài thuốc như sau :

Một cân Bồ-công-anh vừa lá vừa rễ, rửa sạch phơi trong im cho khô (âm can). Một lạng Muối, 5 đồng Hương-phụ. Hai vị sau tán nhỏ cho lẫn vào Bồ-công-anh, ướp một đêm, chia làm 20 phần vắt lại, lấy giấy bản gói ba bốn lớp, ngoài lấy đất bọc kín, cho vào bếp nường bao giờ đỏ thì lấy ra để nguội, gỡ đất bọc ngoài, còn đem tán bột, mỗi ngày sáng dậy và buổi chiều, xát vào răng, rồi nuốt lấy, hoặc nhổ ra tùy ý ; làm như thế hàng tháng sẽ kiến hiệu.

### **Tổng kết**

Cây Bồ-công-anh rất thường, nhưng quý lắm, các nước đều công nhận :



- 1.) Chữa được vú sưng cây và đình nhọt.
- 2.) Thanh-huyết, bổ tỳ, mạnh vị.
- 3.) Thông lợi tiểu-tiện, chữa bệnh lâm, lậu.
- 4.) Cai nha-phiến.
- 5.) Có thể làm thuốc ngủ.





藿 香

2.— *Hoác-hương*

*Pegostemon, Patchouli. Pill*

*Lophantus kugosus, F. et M.*

---

**Thổ sản.**— Thường mọc ở khe núi, đồi núi, người ta cũng hay trồng ở vườn.

**Hình sắc.**— Thuộc loài cỏ sống lâu năm, mọc bò lan trên đất có thể mọc thẳng lên được, cũng độ 5 tấc tây, thân cây vuông; lá mọc đối chiều hình như trái tim, đầu chót nhọn, xung quanh có răng cưa, có lông; về mùa hạ đầu chót cành nở ra một chùm hoa sắc xanh tia, mào hoa như hình cái môi người ta.

**Cách trồng.**— Trồng bằng hạt, nhưng trồng bằng cành cũng được.

**Mùa hái.**— Đến tháng 5, tháng 6, hái về phơi khô, cho đượm mùi thơm.

**Tính chất.**— Vị cay, khi hơi ôn, mùi thơm ngát, không độc.

**Chủ trị.**— Chữa bệnh thủy-thũng thuộc





霍香

Nhật Thăng 10 R. Ag. Trĩ  
Hanoi.

Pogostimum  
Coblina  
Hoặc hương





foliolosa  
Colla  
Hort. Kew.

Herb. Kew. 1825

1825



phong (phong thủy), trừ khí ác độc và chữa bệnh hoác loạn đau bụng.

**Phân lượng.**— Dùng từ một đồng rưỡi đến hai đồng.

**Cấm dụng.**— Phàm những người âm hư không có thấp và dạ - dày có uất - nhiệt thì không nên dùng.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản-thảo của Tàu về các đời nó:

1.) Hoác-hương là một vị thuốc rất cần về bệnh thổ-nghịch thuộc về Tỳ-vị (Tô-tụng).

2.) Hoác-hương có tính chất bổ vị, cho ăn uống thêm ngon.

(Trương nguyên-Tổ).

3.) Hoác-hương tính không táo liệt cho lắm, có mùi thơm; bệnh mà trong miệng có mùi hôi, uống vào rất hay; nếu lười rạo, nước bọt ít thì không nên dùng. Phàm những vị thuốc thơm đều một lối như thế cả, chẳng những Hoác-hương mà thôi. Hoác hương có mùi thơm, có khí ấm, trừ được thấp tà, giúp thêm khí ở Tỳ, Vị; phàm những bệnh thấp ở Tỳ, Vị mà mỗi-một chân tay, ăn



uống không ngon, lưỡi trắng đầy miệng, uống Hoắc-hương rất hiệu-nghiệm. Lại trừ được những mùi uế trọc, nên chữa được bệnh thời hành dịch khí, nghĩa là bệnh dịch bởi khí thấp theo miệng và mũi đi vào.

(Trương sơn-Lôi)





香葉

Hương-như





香薷

Hương-nhu



香 薷

3.— *Hương-nhu*

É-RỪNG É-TÍA É-ĐỎ

*Ocimum Sanctum*, Lin.

*Elsholtzia Patrin*, Garcke.

---

**Thổ sản.**— Mộc ở đồi núi, đồng bằng; bây giờ nhiều người thường trồng trong vườn.

**Hình sắc.**— Thuộc về loài thảo sống nhiều năm, cao độ một thước tây, cành vuông, lá mọc đối-chiếu có cuống dài, hình tròn dài, xung quanh có răng cưa lớn; cây, cành, lá, đều sắc tía có lông; mùa hạ, mùa thu có hoa từng chùm dài, sắc hoa cũng tía.

**Cách hái.**— Mùa hạ hái lá, mùa thu hái hoa, phơi trong rọp cho khô (âm-can).

**Cách trồng.**— Trồng bằng hạt về mùa xuân, ươm đất thịt.

**Công dụng.**— Giải khí nắng, khi thấp, có tinh phát hàn.



**Chủ trị.**— Chữa bệnh thủy-thũng, bệnh hoắc-loạn đau bụng, mửa, đi ngoài.

**Phân lượng.**— Dùng từ 8 phân đến 2 đồng.

**Cấm dụng.**— Bệnh không có thử tả (hơi nắng), thì cấm dùng.

**Tốt xấu.**— Thử nào lá nguyên, cành tốt, hoa nhiều, thơm mạnh thì tốt.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản thảo Tầu nói : 1.) Hương-nhu chữa bệnh thốt nhiên chuyển gân ; chữa chứng chảy máu cam. (Mạnh Săn).

2.) Hương nhu hạ khí, chữa chứng phiền nóng, chữa bệnh ầu nghịch bởi khí lạnh.

3.) Mùa hè sắc Hương - nhu làm nước uống thay chè, thời không bị bệnh thử (bệnh cảm nắng) (Vương-Định).

4.) Hương-nhu chữa bệnh cước khí, phát ban, sốt rét (Lý-thời-Trân).

5.) Người ta phần nhiều về mùa nóng ăn nhiều món sống lạnh quá mà sinh bệnh, thường dùng đến Hương-nhu, vì nó khi vị



cay nóng mà có tính thông - khí ; Hương-nhu lại có công-dụng trừ-thấp lợi-thủy, nên chữa được bệnh thủy-thũng. (Hy-Ung).

Phép chữa bệnh thử người ta hay dùng Hương-nhu, không biết rằng Hương-nhu là vị tân-ôn phát tán ; nếu ăn uống đồ lạnh dương-khi bị âm-tà uất át rồi phát nóng, ghê rét, đau đớn phiền khát hoặc hoác-loạn, thổ tả, uống vị này thời hay. Nếu khó nhọc mà thương-thử (cảm nắng, mồ-hôi ra nhiều, suyễn khát, thì nên dùng như bài Thanh-thử-ích-khi-thang hoặc nóng khát lắm lại nên dùng như bài Nhân-sâm-bạch-hổ thang. Nếu dùng Hương-nhu, làm cho biểu - khí (khí ở ngoài) thêm hư, thời có hại. Hương-nhu là vị thuốc giải biểu (giải tà ở ngoài) về mùa hạ, không có biểu-tà thời không nên dùng ; tính lại ôn nhiệt, bệnh thuộc về dương thử (bệnh thử thuộc nhiệt) cũng cấm dùng. (Lý-sĩ Tài).

7.) Làm thuốc dùng Hương-nhu cũ tốt hơn. (Hoàng cung Tú)



Ở bên Ấn độ lấy lá Hương-nhu phơi khô tán bột để chữa bệnh sởi mũi. Họ quý cây này như một cây thuốc “Thánh”, nó có tính chất kích-thích chữa cảm sốt.

Cây này có một chất dầu rất quý để chữa bệnh.

8.) Dùng Hương-nhu làm thuốc giải biểu về mùa nắng cũng như mùa đông dùng vị Ma hoàng. Người khi hư không nên dùng nhiều.

9.) Hương-nhu lại có công dụng chữa bệnh thủy-thũng rất hiệu. Một người đàn bà, mặt mũi và từ lưng trở xuống đều thũng-trướng, sưng cấp, không nằm sắp được, đại - tiện tiết, tiểu-tiện ít, uống nhiều thuốc không khỏi; Thờì Trân xem mạch thấy trầm mà to, mạch trầm chủ về bệnh thủy, mạch to chủ về bệnh hư, đoán là chứng phong-thủy (cảm phong sinh thũng), nguyên-nhân là vừa khỏi bệnh lại cảm phong, liền cho uống bài Thiên kim-thần bí-thang, chứng sưng bớt được nửa, lại dùng bài Vị - linh làm nước thang để nuốt Nhu truật-hoàn, trong 2 ngày, tiểu tiện đi được nhiều, thũng bớt được 7, 8 phần, cứ thế uống thêm mấy ngày rồi khỏi hẳn.



## BÀI NHU-TRUẬT-HOÀN

Hương-nhu 1 cân, đồ nước nấu cho thiệt nhừ, bỏ bã, lọc trong, lại cô thành cao, rồi gia một lạng Bạch-truật (tán nhỏ) hòa lẫn mà viên như hột ngô. Mỗi lần dùng nước cơm nuốt 10 viên, ngày 5 lần, đêm một lần. Chữa bệnh phong thủy.





## 荊 芥

### 4.— *Kinh - giới*

*Origanum Suriacum*, Lour  
*Salvia Plebeia* — *Calamenthe*

---

Nguyên gọi là Giả-tô, vì thân cây và lá cũng thơm như cây Tử-tô.

**Thổ sản.**— Khắp trong nước đều có, ở Bắc-kỳ về tỉnh Ninh-binh cây và hoa to lớn mà tốt, ở Huế cây và hoa nhỏ, nhưng hương-vị giống kinh-giới ở Tàu đem sang.

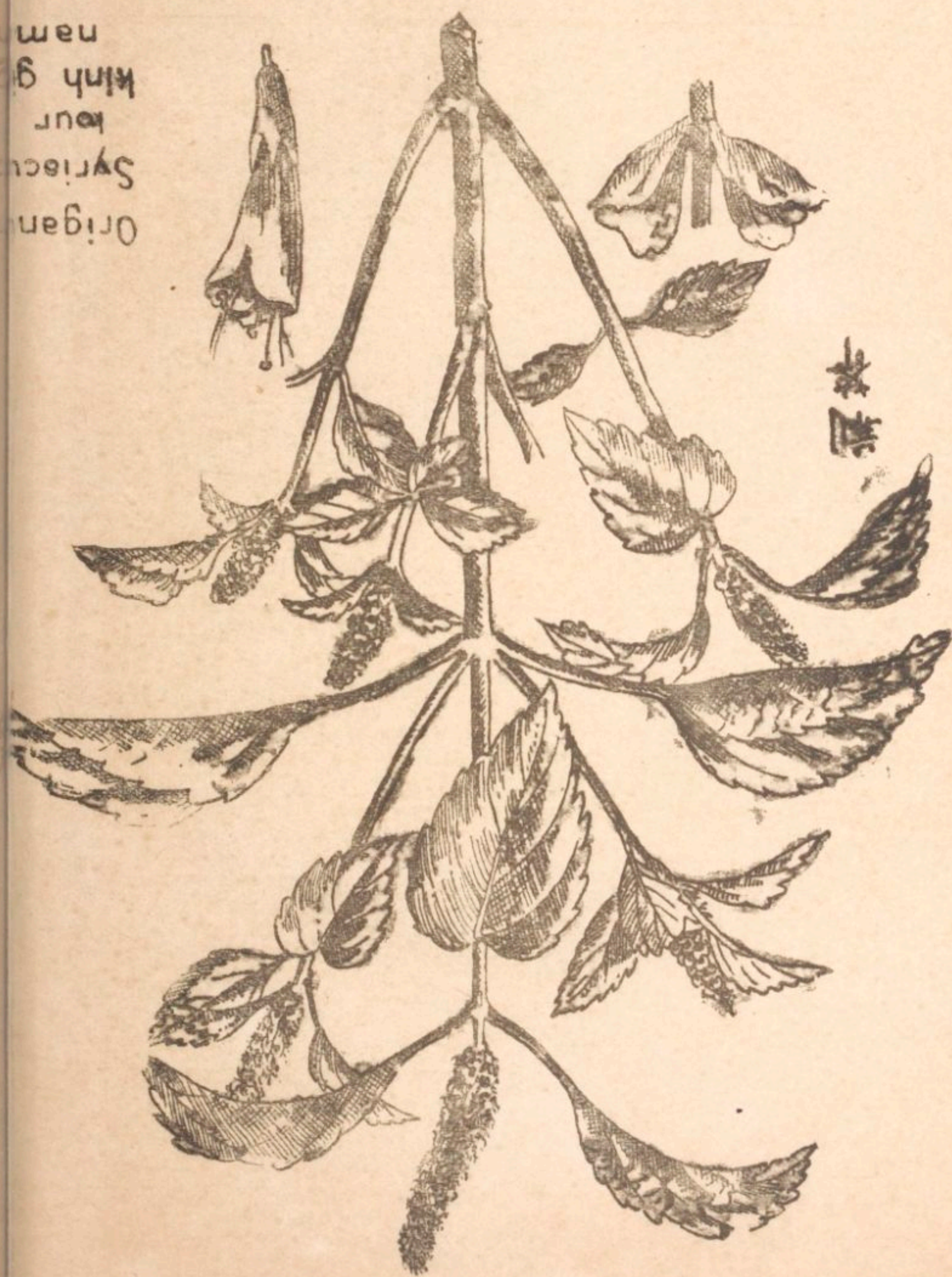
**Hình sắc.**— Thuộc về loài thảo, sống chỉ được một năm, thân cây mọc thẳng, cao độ 7, 8 tấc tây, lá bầu dãi, chót lá nhọn, xung-quanh có răng cưa to, mỏng mềm, đầu cành đâm hoa sắc bông lợt, giống hoa Tử tô kết thành từng chùm, mùi thơm như Chương-não.

**Cách trồng.**— Nó không ưa chỗ đất ẩm ướt, phải vun đất thành luống, rồi deo hạt vào, sau lớn lên phải nhổ bớt cho đều.

**Cách hái và chế.**— Vào tiết tháng năm, tháng sáu, hái cả hoa, hột phơi khô. Thứ



Origanum  
Syriscum  
four  
kind g  
nam



野  
薊



ပဝံ  
မျှ ခံ  
မဂ်  
ဥပဇာ  
ဝါဒဗု



木  
蘭



đề đã lâu dùng có công - hiệu hơn. Có khi bỏ cành, lá, chỉ lấy hoa, có lúc phải sao qua, cho bớt vị cay mùi thơm. Nếu dùng đề chỉ huyết phải sao đen.

**Tính chất.**— Vị cay, khi ấm, không độc.

**Công dụng.**— Chữa phong-hàn, cảm-mạo, các chứng đau nhức, lên đậu, lên sởi. Đàn bà sau khi sinh sản cũng thường dùng.

**Chủ trị.**— Phàm những bệnh sốt-rét, nhọt mọc xung-quanh cổ, lở ghẻ, huyết ứ, khi kiết đều chữa được cả.

**Phân lượng.**— Dùng từ một đồng rưỡi đến 3 đồng.

**Cấm dụng.**— Phàm bệnh không có chứng ngoại-cảm phong, hàn, thấp, không nên dùng, không nên hợp dụng với cá, cua, thịt gà.

**Tốt xấu.**— Cây to, lá nhỏ, hoa ít mùi thơm, không ngát là thứ xấu. Cây nhỏ ngắn, lá to mềm, sắc luốc luốc, nhiều hoa thơm ngát mạnh, là thứ thật tốt.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản-thảo Tào nói: 1.) Kinh-giới trừ phong-tả và ngọt độc,



sinh sang, thường dùng đã nhỏ hòa dấm-  
thanh mà xức. (Trần-tàng-Khi).

2) Kinh - giới đã nhỏ hòa với rượu mà  
uống, chữa đàn-bà sanh-sản bị trùng-phong  
tay chân mình mảy cứng đờ. (Mạnh Sỉn).

3.) Kinh-giới sắc làm nước chè mà uống  
thông - lợi được 5 tạng, tiêu được đồ ăn,  
tỉnh được say rượu (Nhật-Hoa).

4.) Kinh-giới chữa được chứng huyết-  
phong của đàn - bà và làm thuốc ghẻ-lở rất  
hay (Tô-Tụng)

5.— Kinh-giới chữa chứng phong-nhiệt,  
chữa đau đầu, đau mắt, đau cổ họng, ghẻ  
lở, sưng thũng, thổ ra huyết, đại tiện ra  
huyết, đi lý ra huyết, đàn bà băng huyết,  
chảy máu cam và chứng chỉ lậu.

(Lý-thời-Trân)

6.— Kinh giới vị cay khi ẩm. mùi thơm,  
có tính phát tán và nhẹ-nhàng, cho nên vào  
được khí-phận, tán được phong tả. Phàm  
chứng phong ở trong tầng da ngoài màng  
mỡ, mà hiện ra những chứng da thịt phát  
nóng, đầu vàng, mắt mờ cổ họng tắc, mình



mấy đau nhức, uống kinh giới đều khỏi được cả, không phải như Phòng-phong, hay dẫn phong vào xương, cho nên hễ dùng Phòng phong thường dùng kèm cả Kinh-giới nữa, cũng vì Kinh-giới đuổi được phong ra ngoài; Vả chẳng Kinh-giới vào Can là chỗ chứa huyết, nên lại thông được huyết-mạch. Phàm những chứng thất huyết đều chữa khỏi cả, xem như bài thuốc thuở xưa người ta dùng Kinh-giới sao đen, chữa đàn-bà băng huyết ra mãi không止, và lấy Kinh-giới tán bột uống với rượu, hoặc đồng-tiện, chữa đàn bà sinh đẻ có chứng huyết vững, thì đủ hiểu rõ. (Hoàng-cung-Tú)

7.— Dầu Kinh-giới của Tàu có tính phát-tán, cũng giống như dầu Bạc-hà của Nhật-bản, nhưng dùng quang-học mà thí-nghiệm thì có chỗ khác nhau : dầu Kinh giới đi về bên hữu mạnh, mà dầu Bạc-hà đi về bên tả mạnh. (Thôn-sơn-nghĩa-ôn, người Nhật-bản)

8.) Vị Kinh-giới uống vào chạy khắp da lông và giải được khi nóng ở trong phổi, lại vào được huyết-phận làm cho huyết mát,



cho nên chữa những chứng thuộc về huyết  
hiệu nghiệm rất chóng. Nhất là sao đen thì  
vào huyết-phận, mà chỉ được huyết.

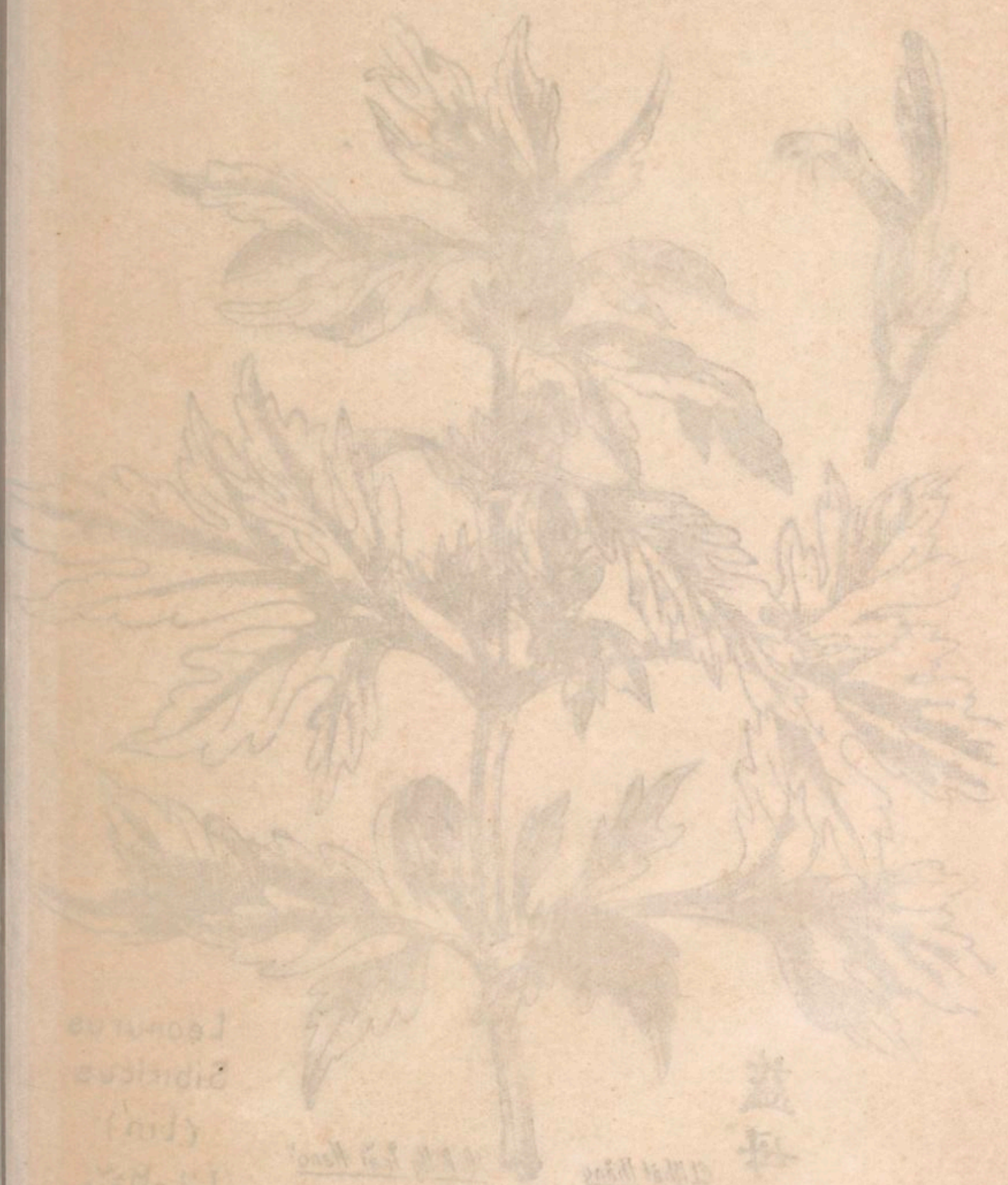
(Trương-sơn-Lôi)

9.) Hột Kinh-giới có chất thông-tiểu-tiện.

(Perrot)







益母

益母草

益母草

Leonurus  
sibiricus  
(Lam.)  
Ichihau





益母

Cl. Nhật Thăng

18 R. Ng. Trại Hanoi

Leonurus  
Sibiricus  
(Lin)  
Ich-Mâu



益 母

**5.-Ich-mẫu**

*Léonurus isibiricus. L.*

---

**Thổ sản.**— Ở nước ta nơi nào cũng có, mọc hoang ở đồng ruộng, đất hoang, ít người trồng.

**Hình sắc.**— Cây Ich-mẫu thuộc loài cỏ mọc hàng năm, cây lên thẳng cứng, mùa xuân đâm mầm, mùa hạ cao hơn một thước tây, nhiều cành, thân cây vuông, có nhiều cạnh chạy theo dọc thân, trong lòng có tim trắng; mỗi mắt đâm hai lá đối chiếu, lá có cuống dài tách ra 5 phần, mỗi phần lại chia ra nhiều lổm ăn sâu vào, giống lá Ô-dầu, còn lá ở gần ngọn thì giống lá Ngải-cứu, bề mặt xanh luốc luốc bề sau xanh lợt trắng. Đến mùa hạ ở kẹ lá, nở hoa sắc tím tím lợt, một hoa thường kết thành 4 trái cứng nhọn, gọi là Sung-ủy-tử.

**Cách lấy.**— Tháng năm hái lá và thân cây, tháng 6, 7 hoa đã già có hạt thì hái.

**Tính-chất.**— Vị cay, khi hàn, không độc.



**Công dụng.**— Trục huyết cũ sinh huyết mới, hoạt huyết, điều kinh, dùng làm thuốc thông kinh rất quý.

**Phân lượng.**— Dùng từ một đồng rưỡi đến 3 đồng.

**Cấm kỵ.**— Phàm huyết hư, không có ứ, không nên dùng. Kỵ sắt.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản-thảo Tào nói :

1.) Dã Ích-mẫu lấy nước đặc mà uống chữa được bệnh sưng-thũng, trục được nước tiêu được ác-độc đình thũng, mụn vú, đơn đỏ v. v... Lại chữa được thai chết trong bụng và sau khi đẻ bị huyết trướng lên mà có cách phiên-muôn. Chữa được mụn trong lỗ tai. Ngộ khi bị rắn rít cắn, nhai lá nuốt nước, còn bã đặt vào chỗ bị cắn. (Tô Cung)

2.) Cây Ích-mẫu đã lấy nước rửa mặt làm cho da có màu mỡ và chữa bệnh mặt sinh mụn trứng cá. (Trần tàng Khí)

3.) Ích-Mẫu có công-dụng hoạt-huyết phá-huyết, điều-kinh, giải độc chữa những bệnh thai-lậu (có thai mà huyết lậu ra);



khó dễ; nhau không ra; huyết xông lên chổng mặt ngả ngất; bệnh phong vào huyết phận (huyết phong); đại tiểu-tiên ra huyết: đi lý ra huyết; và đánh đập bị thương mà huyết ứ lại, đại tiểu-tiên không thông.

(Lý-thời-Trân)

4.) Ích-mẫu là một vị thuốc rất cần cho đàn-bà tức là có ích cho người mẹ, nên gọi là « Ích - mẫu ». Những người có bệnh con người Đồng-tử to ra, thì không nên dùng. Hột Ích-mẫu dùng cũng như cây và lá, nhưng trong cách hành huyết mà lại có ý bổ nữa, không phải như cây và lá chỉ tiêu thũng, hành huyết mà thôi. (Hoàng-cung-Tú)

5.) Ích mẫu rất có bổ ích cho âm phận, dù không phải là một vị nhu-nhuận tư-bổ gì, nhưng làm cho khí khởi trệ, tức là nuôi được nguyên khí, huyết khởi ứ tức là sinh được huyết mới. (Cổ-cửu-Như)

6.) Ích-mẫu có tính sơ thông rất mạnh, những bệnh đau tử cung, đau bụng, tim đập mạnh, dạ-dày không vận động được, tiêu-



hóa ngừng trệ, chân tay co - quắp run - rẩy, dùng rất có hiệu nghiệm. (Hà-lan được-kinh)

---

## Hột ích-mẫu

« SUNG-ÚY-TỬ 莢 蔚 子 »

---

**Cách lấy.**— Về tiết tháng 7, 8 hái về phơi khô.

**Cách chế.**— Phàm dùng Sung-úy-tử phải sao cho thơm, hoặc là hong chín phơi khô, đã cho sạch vỏ, chỉ dùng bằng nhân.

**Tính chất.**— Vị cay ngọt, khí ấm không độc.

**Công dụng.**— Thông-huyết, điều-kinh, trừ phong, sáng mắt, dùng làm thuốc thông-kinh.

**Chủ trị.**— Sáng mắt thêm tinh, trừ được bệnh thủy - khí, giáng được chứng huyết nghịch, chữa được đau trên đầu, phiền trong tim, uống lâu làm cho mình mảy nhẹ-nhàng.

**Dụng lượng.**— Dụng từ đồng rưỡi đến 3 đồng.



**Cấm kỹ.**— Phàm người huyết trệ, huyết nóng và con người xộc ra to không nên dùng; kiêng phạm đến đồ sắt.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản-thảo Tào nói : 1.) Hột Ích - mẫu chữa đàn-bà để phải chứng huyết trướng. (Nhật hoa)

2.) Dã hột Ích mẫu lấy nhân ăn sống, bổ được Tỳ, nhuận được Phế, thêm được tinh-tủy, thông được huyết-mạch. (Ngò-Thụy)

3.) Uống hột Ích-mẫu thời chông có con.  
(Lý-thời-Trân)

4.) Hột Ích-mẫu có tinh tân - tán, hoạt-huyết, cho nên sáng được mắt, có khí thuần dương, cho nên bổ được tinh, lại vị thanh được Can, tán được nhiệt, hòa được huyết, cho nên các chứng huyết nghịch, thủy khí, đầu thống, tâm phiền đều chữa được cả.  
(Trừu-hy-Ung)

5.) Hột Ích-mẫu có vị cay ngọt, bổ được huyết; con mắt trông được là nhờ có huyết, cho nên mới sáng được mắt. Tinh khí của người ta là nhờ chất ăn uống mới hóa ra, vị



cay ngọt nhuận phế và bổ tỳ, Phế đã nhuận, Tỳ đã bổ thì có nhiều tân dịch, cho nên mới thêm được tinh. Phế là một bộ máy chuyên vận cho đường nước được lưu thông. Tỳ, Phế đã được vị cay ngọt tẩm bổ thì tân dịch đi khắp mọi nơi, cho nên lại chữa bệnh thủy-khi. Can, Tỳ, Phế đã có vẻ hoạt động thì khi huyết trong mình được đầy đủ, cho nên uống lâu mình mấy nhẹ nhàng.

(Diệp thiên Sỹ)

6) Sung-ủy tử ở trong Bản kinh không thấy nói gì đến chữa bệnh kinh sản của đàn bà cả. Có nói : « Khí hơi ấm » là có khí thuộc về mộc « vị cay » là có vị thuộc về kim, mộc có kim khắc-chế, thì thành ra tinh điều hòa, cho nên có công hiệu làm cho mình mấy được nhẹ nhàng; lại có nói « sáng được mắt » là vì can có khiếu thông ra mắt; « Thêm được tình » là vì những chất tinh hoa sinh ra bởi chỗ ăn uống; lại như nói : « chữa được sang-ghẻ ngứa lở » là nấu lên mà tẩm gội, thì trừ được phong bám vào ngoài da; nếu đàn bà dễ hơi vương phải gió bên



ngoài, người phát ra hâm-hấp nóng, thì dùng vị này chữa vẫn khỏi. Còn như cảm phải chứng nặng thì uống vị này vào cũng chẳng hiệu nghiệm gì. (Trần tu-Viên)

7.) Thuở xưa dùng hột, hiện giờ dùng cây và lá, khí rất mạnh vị rất nồng, chỉ dùng về một việc hoạt-huyết và hành-huyết, cho nên tục ở Tam ngô cần dùng chữa bệnh đàn bà dễ, lại dùng chữa về kinh huyết đi không thông, sinh ra đau bụng, đầy bụng rất hay, thì biết tinh nó vẫn tân-ôn lắm. Cũng vì tinh tân ôn, mới tiêu được độc, tán được thũng cho nên chữa được chứng sang-nhọt, ghẻ-lở. Còn như hột nó vẫn ôn, lại có tinh trầm trọng đi trở xuống cho nên bổ được thận, thêm được tinh và sáng được mắt.

Đại phạm các loài cây cỏ, cành, lá, hoa, quả, tính chất vẫn có khác nhau, tức như Ích-mẫu thì đủ hiệu. Còn như có thứ hoa trắng, có thứ hoa tím đỏ có khác nhau, là vì một loài mà hai giống, chứ công dụng cũng như nhau; hoặc có người nói: đỏ chủ về huyết, trắng chủ về khí, cũng chẳng qua



phân biệt ở chỗ bề ngoài mà thôi.

(Trương Sơn-Lôi)

### **PHÉP NẤU CAO ÍCH MẦU**

Lấy lúc cây dương có cả hoa, lá tươi tốt, đem về lấy dao đồng chặt nhỏ từng đốt độ 2 lòng tay, đem rửa cho sạch; bỏ vào nồi nấu một đêm ngày cho thật như kỹ, sáng mai đem ra lọc lấy nước trong bỏ bã; lại cho vào sanh đồng, nấu lần nữa cho kỹ bao giờ đặc quánh lại, hết hơi nước là cao được, đổ vào liễn sành không bao giờ hư hỏng.

Cao này uống đáng lắm.











Artemisia

Vulgaris

Ngải - Cứu

elichở Nhật - Trung, 10 r. Nguyễn - Trãi Hanoi



# 艾 筴

## 6.— *Ngải cứu*

*Artémisia vulgaris. L.*

Armoise

**Thổ sản.**— Mộc ở rừng-núi, đồng-hoang, người ta cũng hay trồng trong vườn.

**Hình sắc.**— Thuộc về loài thảo sống lâu năm, cao hơn thước tây, giống cây Cải-cúc, mọc thẳng ít cành, mùa xuân nảy mầm; lá mọc cặp nhau có 5 tia lớn, mỗi tia lại có 5 tia nhỏ hoặc 3, mặt trên xanh-lục đậm, mặt dưới luống trắng có lông, có mùi thơm hăng. Tháng 7, 8 có hoa từng chùm thẳng, sắc xanh hơi vàng, trong có nhiều hạt nhỏ.

**Cách lấy.**— Người ta thường hái lá vào ngày mồng năm tháng năm, đem phơi khô trong chỗ im, hoặc làm thành hình thú vật treo trên xà nhà, hoặc vò lá cho nát, bỏ xương ra, chỉ còn lại như hoa cây bông, gọi là Thục ngải.

Thục ngải này càng để lâu càng tốt, sau có mụn ra như bông, dùng để cứu rất quý.



“Tục xưa bảo hái vào ngày mồng năm tốt hơn, nhưng lúc cần thì hái lúc nào cũng được, những người trồng hái bán, họ có cần chi chọn ngày, miễn sao phơi cất cẩn thận đừng mất hương là được”

**Cách chế.**— Ông Khấu-tôn-Thích nói: Lá Ngải phơi khô rồi băm nhỏ, gia một ít bột gạo làm bánh, thường ăn cũng được.

Lý-thời-Trân nói: “Cứu bằng Ngải lâu năm rất hay. Nếu Ngải mới có hại đến cân-mạch. Khi dùng, phải chọn lá sạch, phải hết bụi đất, bỏ vào cối dã nhỏ, bỏ xương lấy mụn, lại dã một lần nữa cho mềm nhũn như bông rồi sấy cho khô, khi cứu lửa mới chónh lên. Nếu chế thuốc hoàn tán, chữa bệnh đàn-bà thì rưới dấm thanh vào Thục-ngải dặt thành bánh, sấy cho khô, tán nhỏ mà dùng. Không nên sao với rượu. Cây Ngải phơi khô tẩm dầu vừng làm đóm để châm lửa mà cứu”.

Hồng thị dũng trai tùy bút có chép: “Khi dã Ngải, nên bỏ vào dấm, ba phiến Bạch-phục-linh thì dễ dã, Ngải vụn ngay”.



**Tính chất.**— Vị đắng, khi ôn, không độc.

**Công dụng.**— Ấm khí huyết, trục hàn thấp, điều kinh, an thai, chỉ huyết, chữa đàn bà đau bụng, làm cho cơ thể khoan khoái, thường làm thuốc thông kinh, khu phong, giải nhiệt.

**Chủ trị.**— Ngải là một vị thuốc cấp cứu, dùng chữa được nhiều bệnh, như thổ huyết, hạ ly, lở ở hạ bộ, đàn bà lậu huyết, và trừ được phong hàn. Khi sắc lấy nước, kiêng dùng đồ ngoài giò.

Theo thực nghiệm của Trương Trọng Cảnh thì lá Ngải chuyên chữa bệnh lậu hạ của đàn bà.

Tô-Tụng nói : “Có kẻ dùng Mộc-quả hồng chín, luyện với lá Ngải làm hoạn, hoặc dùng lá Ngải sắc nước uống khi đói bụng, để chữa những người hèn yếu, tuy có công hiệu, nhưng nhiều khi nhiệt khí xông lên phát bệnh cuồng táo, hoặc mắt chảy máu”.

**Phân - lượng.**— Dùng từ 1 đồng đến 2 đồng.



**Cấm-dụng.**— Phàm bệnh âm hư huyết nóng thì không nên dùng.

**Tốt xấu.**— Cây nào mọc ở núi đá, và chỗ nhiều ánh-sáng dưới cành cây có sắc đỏ là tốt. Những cây mọc ở chỗ ẩm-thấp ít hương vị thì không tốt.

**Khảo chứng.**— Các sách bản-thảo của Tàu nói:

1.) Lá Ngải ôn trung, trục lạnh, trừ thấp. Người già khi kém hay sợ lạnh, nên lấy Thục-ngải bỏ vào trong bọc vải nịt ngang đốn, để trừ khi lạnh, hoặc bỏ vào trong bát - tắt để chữa bệnh hàn-thấp cước khí.

(Lý-thời-Trân)

2.) Lá Ngải vị đắng khi ôn vừa thăng vừa giáng, mùi thơm hăng không độc, chạy vào Túc-Thái-âm-kinh “Tỳ”, quyết-âm kinh “Can”, và Thiếu-âm-kinh “Thận”; đốt thì khi nóng chạy vào trong, vào đến cân cốt, cho nên cứu được trăm bệnh; khi thơm hăng thì táo, cho nên chữa sang ở hạ-bộ, và chữa đàn bà lậu huyết. Lại thường dùng làm thuốc dẫn đường trong những tễ thuốc



lượng huyết. Đản-bà khí-huyết hư, bị phong hàn phạm vào tử cung, lá Ngải tán được phong hàn, và ôn tử cung, vì thế cho nên sách nói là uống lá Ngải làm cho người ta có con. Lá Ngải tính tân-ôn, trừ được phong-hàn chỉ được huyết, sát được bêu-trùng; Thương-hàn bị nhiệt uất mà không có mồ-hôi, thì phát bệnh nục-huyết, lá Ngải tính tán nên chỉ được nục huyết; phong-tả vào đại-trường thời sinh bệnh hạ huyết, lá Ngải chung lên thì khí thượng thăng cho nên chữa được các bệnh ấy; Thai động là bị phong hàn phạm vào, lá Ngải tán phong-hàn, nên yên được thai; sắc với dấm chữa được ghẻ-lở, cũng là nhờ cái công sát-trùng; có tính chất ôn trung, trừ thấp, nên chữa được bệnh hoác loạn chuyển-cân bởi hàn-thấp sinh ra.

Ấy cũng là một vị thuốc chữa bệnh Bạch-đái và cũng là một vị thuốc điều kinh rất hay, cho nên phần nhiều hay dùng trong những bài thuốc chữa đản bà. (Hy-Ung)

3.) Người ta khi dương khí gần tuyệt, dùng lá Ngải mà cứu thì lập tức hồi dương.



Ngải hay thông kinh lạc, nên dùng với a-giao để chữa bệnh hư lý và thai tiền sản-hậu mà hạ huyết; dùng với Hương phụ làm thuốc điều kinh, ôn tử-cung và trừ các chứng đau bụng. (Hoàng cung-Tú)

4.) Lá Ngải tinh ôn noãn, là một vị thuốc chỉ thống, thông kinh-bế, tiêu ứ huyết trong tử cung lợi tiểu tiện v. v..

Đàn bà sau khi có kinh, con gái bắt đầu có kinh dùng lá Ngải rất hay, lại chữa được bệnh trùng thống nữa.

Rễ Ngải chữa bệnh gián kiến - hiệu rất chóng, nhưng người nhiều tuổi, hoặc bệnh gián phát về ban đêm thì dùng không hay, lại có hại nữa.

Lại có kẻ nói : dùng rễ Ngải chữa bệnh ách-nghịch sinh ra bởi tinh thần khó nhọc, cũng kiến-hiệu. (Hà lan được kinh).

Chữa bệnh thổ huyết nên dùng sống, là vì Ngải có tinh cay tán để sơ thông kinh-lạc, tinh nó tân ôn, thượng thăng, cho nên chữa được bệnh hạ lý thuộc hàn; Khô ôn, táo thấp, lại hay sát trùng, cho nên chữa bệnh lở ở hạ-bộ.



Ngải hay ôn dương khi huyết nên sinh được cơ nhục. Nhưng nếu người mà gây mòn vì huyết nhiệt, tân dịch kém, thì không dùng được Ngải.

Ngải làm cho người ta có con, tức là công hiệu như bài Dao-ngải-thang vậy.

**Học-thuyết Âu-Tây.**— Dược vật Đông-dương chép: Người Tàu người Nhật lấy lá non nghiền với bột làm bánh cho trẻ con ăn để trừ đùn, sán; người có bệnh ho, xuyên lấy lá Ngải phơi khô làm thuốc lá để hút.

Lá Ngải tán bột như bông, dùng làm thuốc cứu rất kiến hiệu, ở nước Nhật có một họ Mikawa chuyên theo phép cứu, cứ một tháng cứu luôn 8 ngày ở huyện Tam-ly (ở ống chân cách đầu gối chừng một tấc tây), sống lâu khỏe - mạnh, người cha sống đến 194 tuổi, người vợ sống đến 173 tuổi, người con đã đến 153 tuổi. Thật là thuật Trường-sinh. (Sách Đông cương xā-bút-ký).

Ông Pordo de Tavera nói: ở Philippines dùng lá Ngải sắc uống để điều kinh và cho là một vị thuốc tiêu mà có chất bổ. Ở Ấn-độ dùng chữa bệnh loạn óc phát điên-cuồng.



Muốn trừ ứ-huyết và điều kinh, trước khi hành kinh một tuần lễ, người ta thường dùng lá Ngải luôn.

Hoặc đồ một lit nước sắc mười đến 30gr. lá Ngải để uống; hoặc tán lá Ngải thành bột, từ 4 đến 8 gr. ; hoặc lấy lá Ngải ép ra chất nước từ 30 đến 40 gr. mà dùng.

Ông Héraud cũng nói : lá và rễ Ngải dùng làm thuốc điều kinh, chữa bệnh kinh bế cùng các bệnh điên - cuồng, rút gân, động-kinh và trừ đùn sản.

Ngải có chất dầu thơm hay bay, và chất chát, vị đắng. Phàm các cây cỏ chất đắng thơm đều có chất bổ, và có tính kích-thích chữa bệnh chuyển gân.

Ông E. Ferrand cũng nói : Rễ Ngải có thể chữa bệnh rút gân và bệnh động-kinh.

Tóm lại : Ngải là một cây thuốc rất dễ trồng dễ kiếm, nơi nào cũng có ; nó chữa được nhiều bệnh nguy hiểm. Thế mà ta lại rất khinh thường, không quý trọng, không chịu cất trữ cẩn thận.

Như trẻ con ta thường hay có bệnh sản



lãi to bụng, rất hại người ; nếu ta biết dùng lá Ngải non mà làm bánh, cũng như ta lấy lá Gai làm bánh gai cho trẻ ăn, có lẽ trừ được sạn lãi, bổ được tỳ, mạnh được vị. Thế chẳng phải là một sự thí-nghiệm hay sao ?

« Thực nghiệm. — Người anh họ tôi bị chó dại cắn phải chỗ bắp chân ; ngay lúc ấy uống thuốc chó dại ở nhà quê, còn chỗ cắn thì dùng Ngải cứu vào. Trục-trung nó cắn phải 4 chỗ phạm và 1 chỗ sồn da thôi, người ta chỉ cứu 4 chỗ kia còn chỗ sồn da tưởng không can gì nên không cứu, sau chỗ ấy lở mãi thành đinh, hễ dè tay vào thì như có một cái kim nhoi nhói đau không chịu nổi, sau đặt thuốc mãi mới lành.

Ngọc - Đường

---



## **Cây Cỏ-Mực, Cây Nhọ-Nôi**

HẠN-LIÊN-THẢO 旱蓮草

LỆ-TRƯỜNG 鱧腸

***Eclipta alba*, Hassk**

**Thổ sản.** — Thường mọc ở hai bên vệ đường, mé ruộng bờ ao và những nơi đất ẩm thấp.

**Hình sắc.** — Thuộc về loài cỏ ướm, chỉ sống một năm. Thân cây cao bốn, năm tấc tây, chia làm nhiều đốt, mỗi đốt có lá mọc đối nhau, ở kẽ lá có nhánh mọc. Lá hình dài, xung quanh có răng cưa lớn, mỏng mềm, mặt trên có lông, ít gân. Đến tháng 7, 8 đầu cành nhỏ có trổ hai ba hoa như hoa Cúc, mào hoa hình như gương sen, cánh sắc trắng, quả chín sắc đen ngất ra có nhựa đặc, để ít lâu biến thành sắc đen, Thân cây và lá đều dùng làm thuốc.

**Cách lấy.** — Tháng 2, tháng 8 hái phơi trong rọp cho khô mà dùng.

**Cách chế.** — Phần nhiều dùng tươi và nấu thành cao.





CI NHẬT THANG  
10 B&O 196 1961  
HÀ NỘI

Eclipta  
Alba  
Cỏ Mực





1843

1844

1845

1846

1847



**Tính chất.** — Vị ngọt, dai chua, khí lạnh, không độc.

**Công dụng.** — Bồ thận, đen râu tóc, cũng có công dụng chỉ huyết.

**Chủ trị.** — Chữa bệnh đi lỵ ra huyết ; những chỗ châm cứu mà máu chảy mãi, nhai đặt vào thì cầm máu ngay ; ngắt lấy nhựa đặc đổ vào lông mày thì chóng mọc ; chữa các chứng phong sang. Trẻ con chảy máu cam và chứng tia lưỡi.

**Phân lượng.** — Dùng từ 1 đồng rưỡi đến 3 đồng.

**Cấm dụng.** — Người hàn không nên dùng.

**Tốt xấu.** — Thứ nào to, có nhiều nhựa đen là tốt.

**Khảo chứng.** — Các sách Bản thảo Tầu nói :

1.) Lấy cây Cỏ-mực nấu thành cao đem vào lỗ mũi, thì bồ não. (Tiêu-Binh).

2.) Cây Nhọ-nổi chỉ huyết, bài nung, thông tiểu-trường, chữa sang lở.

3.) Cây Nhọ-nổi làm đen râu tóc, bồ thận âm. (Lý thời-Trân).



4.) Cây Cỏ mực là một vị thuốc chỉ huyết, lương huyết, cho nên nấu thành cao mà uống chữa khỏi bệnh đi lý ra huyết ; dùng nhựa đặc đổ vào thi đen râu tóc ; lại chữa bệnh phỏng lửa và răng lung lay nữa. Nhưng tính thuộc âm hàn không ích tý-vị, uống nhiều hay sinh đau bụng đi đồng. (Hoàng-cung-Tú).

5.) Ngắt cây Nhọ nôi thì nhựa chảy ra nhựa ấy để một lúc biến thành sắc đen, cho nên gọi là Lệ trường, nghĩa là như ruột con cá mực ; mọc ở chỗ ẩm ướt, kiết quả như buồng sen nhỏ, nên gọi là Hạng-liên-thảo. Nhựa đen và dẻo, cho nên bổ thận-âm, mà sinh lông tóc ; lại vào huyết phận mà lương huyết, cho nên tiêu được nhiệt, và chữa ung nhọt. Nhưng sắc đen thuộc về thuần âm, người dương khí kém không nên dùng nhiều, nhất là tý-hư, sinh bệnh tiết-tả rất nên kiêng. (Trương-sơn-Lôi).

**Học-thuyết Âu-Tây.** — 1.) Ông Soureiro nói ; nhựa cây Nhọ-nôi dùng để làm thuốc nhuộm đen.



2.) — Crévost nói : lá Nhọ nôi đã nhỏ rịt vào chỗ chảy máu thì cầm lại ngay.

Thợ nề bị vôi ăn tay, ngứa khó chịu, dùng lá Nhọ nôi vò xát vào thì êm dịu ngay. Ở Ấn-độ, cũng dùng làm thuốc nhuộm tóc và thuốc bỏ.



## 8.— *Rau má*

LIÊN TIỀN THẢO 連錢草

TÍCH TUYẾT THẢO 積雪草

*Centella Asiatica Urb. — Hydrocotyle Vulgaris*

---

Nguyên tên ở sách thuốc Tàu gọi là Xuyên tường thảo, chỉ nghĩa là bất cứ tường dày thế nào hễ có chỗ hở là nó mọc xuyên qua được.

Lại vì lá tròn như đồng tiền và dây nó liên lạc nối tiếp với nhau, nên gọi Liên tiền thảo ; ở sách Bản thảo còn có tên Tích tuyết thảo.

**Thổ sản.** — Chỗ đất hoang, bờ thành, bờ ruộng, nhất là chỗ ẩm ướt thường có mọc nhiều.

**Hình sắc.** — Thân nó thuộc về loài giây, mọc lan trên mặt đất ; lá tròn giống đồng tiền xung quanh có răng cưa tròn, cuống dài sắc xanh lục ; khi có hoa thì ngọn mào thẳng lên, khi hoa tàn thì lại ngã xuống, hoa sắc xanh tía.

Có ba thứ : một thứ lá to, người ta thường dùng làm rau ăn, hoặc trộn dấm



積雪  
連錢草

Cây rầu má

Centella  
asiatica urb.

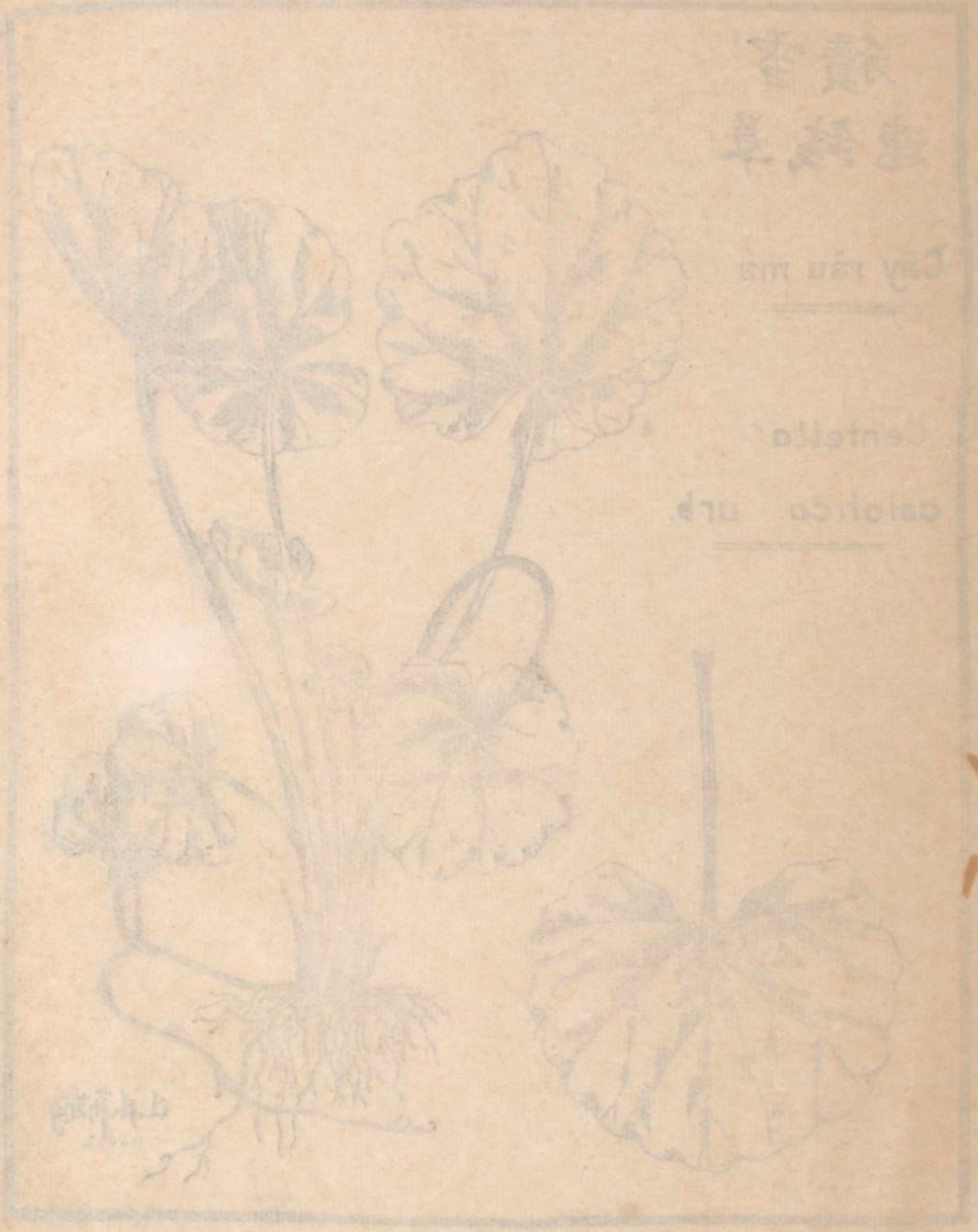




香薷  
草薷

Centella

asiatica  
L.





rất ngon, ở Nam-kỳ nóng nực, người khách hay vắt thứ rau này, lấy nước trong, bỏ đường vào, bán mỗi bát một xu. Một thứ lá nhỏ, sắc tím, giây dài đỏ, tục gọi là Rau má họ. Còn một thứ lá nhỏ sắc xanh, tục gọi là Rau má thia (thiên). Hai thứ sau dùng làm thuốc.

**Cách lấy.** — Cừ mỗi năm về tiết tháng 7 tháng 8, hái cả giây và lá.

**Cách chế.** — Phơi nắng hoặc phơi trong nhà cho khô, sao dòn nghiền ra bột ; hoặc dùng song dā lấy nước.

**Tính chất.** — Vị đắng hơi cay thơm, tính hàn, không độc.

**Công dụng.** — Dã nhỏ đặt vào chỗ nhọt lở thì bột sưng, khỏi đau. Người ta thường dùng chữa chứng kinh giản của trẻ con, cho nên lại có tên gọi là Cam thiết thảo.

**Chủ trị.** — Chữa các mụn nhọt, sang lở phát nóng kịch liệt, và chữa con gái hay đau bụng, đàn bà có chứng huyết tích.

**Phân - lượng .** — Dùng từ hai đồng đến 3 đồng.



**Cấm dụng.**— Những người tý vị hàn lạnh không nên dùng nhiều những người có chứng phong thấp không nên ăn ; Phàm những nhọt độc thuộc về âm thư và những người tý yếu đi đại tiện lỏng không nên uống. Kiêng dùng vị Ma-tử và Cù-mạch.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản thảo Tào nói :

1) Dùng độc vị Rau má chữa mụn tràng nhạc chảy nước và thường khi phát sốt rét. (Bản thảo yên quyền .

2) Dã Rau má lấy nước cho uống, chữa được những chứng phát nóng dữ dội, trẻ con sốt rét và nóng trong bụng (Trần-tàng-Khi).

3) Dã Rau má rịt vào mụn độc và đơn độc khỏi ngay. (Tô-Tụng).

4) Đau mắt đỏ nhặm, dã Rau má lấy nước trong mà nhỏ vào, khỏi ngay. (Lý-thời-Trân).

**Lý-thuyết Âu-Tây.**— Bên Ấn-độ dùng chữa bệnh Phong. Cứ lời ông Lépine thì nó có chất Vellarine (chất chữa ung-thư ngừa lở).



Ở đảo Réunion người ta nói rằng Rau má khô mất hết chất hay. Còn thứ tươi chữa bệnh lậu bệnh giang-mai.

Bác sĩ Daruty de Maurice cho là một vị thuốc nhuận bồ, thông tiểu-tiện giúp sức vận-dộng cho các cơ quan và có chất sát trùng, chữa bệnh giang mai và ung thư.

Ông Lépine và ông Boileau đã thí nghiệm dùng Rau má chữa bệnh Phong cũng cho là hay. Nhưng chỉ chuyên chữa về bệnh phong không ngứa.

Ở Bombay, người ta thường dùng Rau má chữa trẻ con bị bệnh kiết lỵ (lấy 3, 4 lá đã nát dặt vào dống)

Ở Philippine, lấy lá sắc uống làm thuốc nhuận trường.

Bác sĩ Devergie lấy Rau má chữa bệnh cũng cho là hay.

Uống vào thấy tiểu tiện thông ngay, và mồ hôi ra.

Ăn Rau má lại đỡ đói, nên có câu ca dao :

« Đói ăn rau mưng, rau má, Đừng ăn vất vả hư thân ».



**Thực nghiệm.**— Tôi có một người bà con bị hóc xương cá dĩa hơn một ngày, uống thuốc gì cũng không khỏi. Sau có người vẽ cho dùng một nắm to Rau má dĩa nhỏ và « một đoạn cây chuối lột thái thành từng sợi, hai thứ lẫn nhau mà nuốt khi mới nuốt vào tới chỗ mắc xương thì đau không thể chịu nổi, được một chốc tự nhiên cái xương ấy sọc xuống, đoạn nuốt luôn hai miếng nữa là lành hẳn.»

(Chi-Trai)





紫葉



Verbena  
officinalis  
L.  
18-19

Verbena



紫蘇



Perilla  
Vonkinensis  
decne  
Liá-tó



## 9.—Cây Tía-tô

TỬ-TÔ 紫蘇

*Périlla Nankinensis*, Deene

---

**Mạnh danh.**— Tinh hay thông sương, công hay hành huyết, hòa huyết, cho nên đặt tên là « Tô »; thứ nào thân và lá đều đỏ cả thì gọi là Tía-tô.

**Thổ-sản.**— Mọc hoang ở đồi núi, đất hoang. Người ta cũng hay trồng lấy lá làm rau ăn, hoặc ăn sống, hoặc ăn chín.

**Hình sắc.**— Thuộc về loài thảo sống lâu năm; thứ trồng ở vườn được đất tốt rợp mát thì cây lên cao, non một thước tây mọc thẳng thân vuông cứng có nhiều cánh, cánh non có lông mơn-mởn; lá hơi tròn như cái trứng, đầu lá thót nhọn, xung quanh có răng cưa to, mỏng mềm nhiều vằn. cuống hơi dài. mọc đối chiều nhau, hai mặt đỏ tía, có mùi thơm mát; đến tháng 7, 8 đầu cánh và nách trở hoa thành từng chuỗi, dài non tấc tây, màu trắng hay màu đỏ lợt, kết thành hàng có thứ tự, dài



hoa có 5 khía, hột cũng có mùi thơm, sắc vàng hơi nâu nâu giống hột cải.

Lá, cành, đều dùng làm thuốc được cả. Có nhiều loại :

1.) Cây to có lá hai mặt đều đỏ tía gọi là Tử-tô. 2.) Cây có lá hai mặt đều trắng gọi là Bạch-tô, 3.) Cây có lá không màu tía không mùi thơm, gọi là Giả-tô, tức là cây Nhâm. 4.) Cây mà lá có răng cưa nhỏ, cuống ngắn, mùi thơm không khác gì Tử-tô nhưng thân cây, lá và hột hơi nhỏ hơn, gọi là Hoa-tử-tô, tức là Hồi-hồi-tô.

**Cách trồng.**— Ở bên Tàu cho Tử-tô ở Giang đông là tốt hơn cả. Muốn bán khắp mọi nơi, nên người ta phải trồng ở ruộng ở vườn như trồng cải ; nó ưa đất cát hay đất vườn.

**Cách lấy và chế.**— Vào khoảng tháng 7 tháng 8, hái về phơi khô : lá phơi trong rợp, cành phơi ngoài nắng.

**Tính chất.**— Vị cay, tính ôn, không độc.

**Công-dụng.**— Phát tán phong hàn ở ngoài da, hạ được khí ở Phổi và giải được



các chất độc các loài thịt cá.

**Chủ-trị.**— Hạ khí trừ hàn, dùng hột thì hay hơn.

**Phân lượng.**— Dùng từ 1 đồng đến 3 đồng.

**Cấm kỹ.**— Phàm người khi hèn biểu-hư, mà không có Phong-hàn ngoại cảm, thì cấm dùng. Lại không nên ăn kèm với cá Gáy (cá chép). ngộ ăn phải thì sinh mụt độc.

**Tốt xấu.**— Thừ lá to đỏ tía cả hai mặt là tốt. Hột Tía-tô bên Tàu đem sang khó và giá đắt, nên bên ta lấy hai thừ này để bán giả: Hột cây Mần mần và hột kê-trộn đất. Phải cẩn thận kẻ mua phải của giả, đã mất tiền có khi nguy nữa.

**Khảo chứng.**— Các sách bản thảo Tàu nói 1.) Dùng lá Tử-tô nấu canh ăn trừ được độc cá, thịt (Nhân Quyền)

2.) Tử tô bổ trung, ích-khi, chữa bụng chướng đầy, thổ tả dật gân, chân sưng lạnh (cước khí), thông đại-tiểu-trường, khoan-khoái dạ dày, hạ được thực tích, (Nhật-hoa)

3.) Tử tô tiêu-dâm, lợi phế, an thai, hòa



huyết và chữa được những vết thương bị rằn. chó cắn, (Lý-thời-Trần)

4.) Ngày mồng năm tháng 5, chọn thứ cây có lá đỏ tia cả hai mặt mà dùng. Phàm những bệnh cảm phải phong-hàn, mà bụng sinh, khi bế, hoặc cảm phải khi thấp-nhiệt mà sinh bệnh tiết tả hoặc nhân nhiệt mà chảy máu cam, bị băng huyết và đái ra huyết, hoặc miệng hôi tanh, đều có thể dùng chữa được cả; bởi nó có vị cay vào được khí-phận, sắc đỏ vào được huyết phận, mùi thơm thấu ra ngoài da, khi ôn ấm được trong ruột làm cho toàn-thể khoan-khoái; cho nên đặt tên là «tô». Cảnh Tử-tô hạ khí hơi chậm, lá Tử - tô hạ khí rất chóng. (Hoành-cung-Tù).

5.) Công dụng Tử-tô cốt ở mùi thơm; nếu chỉ lấy hột mà bỏ vỏ đi thì lạt quả, cho nên phải dùng cả hột, cả vỏ mới có hiệu nghiệm. (Học thuyết ngoại quốc)

6.) Tử tô phải dùng thứ sắc đỏ tia, hái về tiết tháng 6 mà lá chưa khô là tốt. (Thái-hòa bản-thảo)



7.) Tử-tô có mùi thơm nồng nàn, ruột cây trống xốp, cho nên thông được trên dưới, thấu được từ trong thớ thịt ra đến ngoài chân lông, chữa được ngoại-cảm phong hàn, trong sơ-thông được chỗ ngực và mỗ ác, tỉnh tý-vị hóa đàm ẩm, giải uất kiết, lợi khí trệ. Người ta có chia thân cây, lá, hột chủ trị khác nhau: Lá nhẹ nhàng dùng chữa bệnh ngoại cảm phong-hàn; thân cây trống xốp, thông lợi được khí kiết ở bên trong; còn hột thì hoạt lợi đại-trường, dùng để giáng khí tiêu đàm, nhuận phế. Dùng hột phải sao cho khô cho bớt dầu, để khỏi tiết mất chân-khí. (Trương sơn-Lôi)

**Tham khảo.**— Khi cây Tử-tô còn non, hái lá về làm rau ăn sống, hoặc ướp muối làm dưa ăn có mùi rất thơm. Mùa hạ sắc làm nước thang mà uống. Tháng 5 hay tháng 6 nhổ gộc lên, đốt lửa vào đầu gộc, đem phơi chỗ im, thì để lâu lá cũng không rụng. Hột Tử-tô có thể ép lấy một thứ dầu, dùng thắp đèn rất sáng, hoặc dùng vào máy móc, có thể làm cho loài kim thạch mềm nhũn được.



Ở các mé ruộng gần đường, nên trồng nhiều cây Tử-tô để ngăn ngừa các súc vật xuống hại lúa. (Vụ-bản-tân-thư)

Những chỗ đất xấu không thể trồng được lúa nên trồng Tử-Tô. Vương-Trinh nói : Tử-tô có thể dùng làm hàng rào che chở, lại có công chế dầu để thắp đèn nữa.

**Thực nghiệm :** Đi ở bãi biển nhiều khi chạm phải cái độc của ngành một thứ cá rồi sưng to, người mệt mọc, chỉ lấy lá Tử-tô mà nhai sống hoặc sắc uống, thì độc nó tiêu ngay. Sự này người em trai tôi đã mắc một lần, nhờ những người bãi biển họ đã quen dùng nên bày cho uống rồi khỏi.

«Hồ-Quỳnh»

### *Tử-tô-tử* 紫蘇子



**Cách lấy và chế.**— Tháng chín cây và lá đã khô thì hái về phơi sấy lấy hạt, hoặc sao không hoặc sao với mật.

**Tính chất.**— Vị cay, tính ôn, không độc.



**Công dụng.**— Khai uất, hạ khí, tiêu đờm làm cho khỏi suyễn khỏi ho, thật là một vị trừ đờm rất mạnh.

**Chủ trị.**— Hạ khí, trừ đờm và ôn trung.

**Dụng lượng.**— Dùng từ đồng rưỡi đến 3 đồng.

**Cấm dụng.**— Phàm người nào mà trường hoạt, khí hư không nên dùng.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản thảo của Tào nói: Hột Tô tử chữa nghịch khí xông lên sinh ho, cùng chữa thấp khí ở trong lưng và đầu gối; nghiền lấy nước đặc, nấu cháo ăn luôn, làm cho người ta béo trắng và thường có mùi thơm. (Nhân-quyền).

Hột Tử-tô điều hòa trung khí bổ ích năm tạng, chữa được những chứng can hoặc loạn, ầu thổ, phiên vị và bổ được hư lao, làm cho người ta béo mập, lợi đại tiện, tiểu tiện, phá kiết khí, chữa năm chứng cách, tiểu đàm chỉ ho, nhuận quả tim và phổi (Nhật-Hoa)

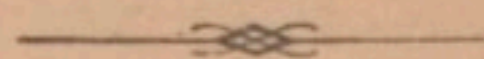
**Tham khảo.**— Hột Tử tô hạ được khí, nên hợp dụng với Quạt-bì. (Đào - hoàng-Cảnh.)



Tô tử thông dụng cũng như Tô điệp :  
phát tán nên dùng lá ; thông lợi trên dưới,  
nên dùng hột. (Lý-thời-Trân)

Người mà biểu khi hư, cấm dùng lá ;  
trường hoạt phế hư cấm dùng hột (Lý-  
sĩ-tài)

Hỏa xông lên thành ẩu, không nên dùng  
lá, chỉ nên dùng hột (Hy Ung).





平香

Tha. gong  
chay he

Acacia  
maritima





蒼耳

Xương nhĩ  
cây ké

Xanthium Stru-  
marium



$\frac{1}{10}$

$\frac{1}{4}$



$\frac{1}{1}$

Đ. J. Thang.



## 10.— Cây ké

THƯƠNG-NHĨ 蒼耳      TỖ-NHĨ 棠耳

*Xanthium Strumarium. L.*

---

**Thổ sản.**— Nước ta ở về miền thôn-quê, nơi nào cũng có nhiều, thường mọc ở chỗ đất hoang, bờ ruộng, bờ đường.

**Hình sắc.**— Có hai thứ: 1 thứ cây cao độ hơn một thước tây, thân lớn bằng ngón tay; lá như lá hoa Quỳ, có nhiều lông, nhiều gân, cạnh nhiều khía, mềm, hái về chóng héo; tháng 2, tháng 3 có hoa như nút áo; tháng 5, tháng 6 có quả to bằng ngón tay út, hình bầu-dục, có gai xung quanh (trẻ con hay lấy quả này bỏ vào đầu nhau, nó bám chặt vào đầu tóc, khó gỡ ra), có một cái rễ to ăn thẳng xuống đất; cây này gọi là ké ông, hoặc ké đội đầu. Một thứ cây nó nhỏ cao độ năm, sáu tấc tây; lá sắc xanh lợt, hình cũng như lá ké-ông, nhưng nhỏ hơn cứng hơn mọ thấy nham nhám: tháng giêng tháng 2 có hoa sắc đào; tháng 3, tháng



4 có quả bằng hột ngô, hình tròn, ngoài cũng có gai mềm ; tục gọi là ké đào hay ké bà ; Người ta dùng cây, hoa, lá làm thuốc chữa sang-dộc.

Cây ké-ông dùng làm thuốc nhiều hơn.

**Cách lấy.**— Tháng 5 mồng 5 lấy lá, lấy hột, phơi khô thì tốt hơn, nhưng lúc cần thì lúc nào lấy cũng được.

**Cách chế.**— Sao vàng đã nhỏ, bỏ gai mà dùng, hoặc chưng với rượu.

**Tính chất.**— Quả có vị ngọt, khi ấm, hơi độc, hơi đắng, có nhân, (loài chuột hay ăn).

Cây và lá có chất đắng, hơi lạnh, hơi độc.

**Công dụng.**— Tính nhẹ nhàng dùng làm thuốc khu-phong, tán - nhiệt và thuốc phát-hàn.

**Chủ trị.**— Chữa đau đầu thuộc phong-hàn, chữa bệnh chu-tý, bệnh tay chân có quắp thuộc về phong-thấp, Uống lâu thì ích khi. Có chất bổ thủy, làm ấm lưng và đầu gối. Tẩm rượu sao thơm, trừ được phong, chữa bệnh phong hủi, bệnh điên giảo bệnh



dầu-phong, phong độc, thấp độc ở cốt-tủy và yếu tất.

**Phân lượng.**— Dùng từ hai đồng đến ba đồng.

**Cấm-dùng.**— Phàm bệnh không phải phong tà, không nên dùng; kiêng dùng với thịt lợn, với nước vo gạo.

**Khảo chứng.**— Các sách Bản thảo của Tào nói :

1.) Mùa hạ hái lá phơi khô, tán ra uống với nước, mùa đông uống với rượu. Hoặc làm hoàn như hột ngô, mỗi lần uống 20 hoặc 30 viên, uống đủ 100 ngày thì bệnh phát ra ngoài, da lở có nước, hoặc là da nổi vẩy lên, đến khi vẩy rụng hết, da trơn là khỏi, (Tô-Cung).

2.) Thương nhĩ thông đạt được dương khí ở trong âm, làm cho phong khí im lặng, không phải như những vị thuốc khác chữa phong. (Tô-Cung).

3.) Não là phủ của Tủy. Tủy vẫn ở Thận sinh ra, mà không có dương khí ở trong



thì làm sao đi lên trên não. Nếu dương khí ở trong âm không đi đến trên diên đình thời thành ra bệnh phong hư. Thương-nhị bồ Tủy, mà thông được đến đình-môn, là một vị thông đạt dương-khi ở trong âm, mà làm cho phong-khi yên-lặng; cũng bởi lẽ thế, trên từ chỗ diên-đình, dưới từ chỗ yên-tất, trong ở cốt-tủy, ngoài ở bì-phụ, hễ có dương-khi uất lại thành ra thấp, làm ra bệnh Chu-tý, tay chân co quắp, mỏi gối, đau lưng, hoặc là khí uất lại, hóa ra nhiệt làm ra mụn, ra đinh, ra phong-hủi, là chữa được cả. (Tô-Tụng).

4.) Công dụng cây Thương-nhị cốt chữa phong và bồ, nhưng quả thì đắng ít mà ngọt nhiều, cành và lá đắng nhiều mà cay ít, công-dụng có khác nhau.

Thương-nhị uống lâu, chữa phong-nhiệt rất có công-hiệu, vì nó lương huyết. Dung lá hơn dùng quả, vì quả khi vị ngọt ẩm lá đắng cay hơi lạnh.



## CHỮA BỆNH PHONG-HỦI RẤT THẦN-HIỆU

Ở Thượng hải báo Thế-giới-tân-văn có đăng một việc như sau : « Năm dân quốc thứ 20 về mùa xuân, có quan Tri huyện tên là Nhuệ-Sanh. Tôn quân mới đến nhậm chức đất Hoài-an, gặp một người Huyện phái tên là Trương-vĩnh-Mậu, thấy sắc mặt khác người thường hỏi ra mới biết bị bệnh phong. Khi bệnh nặng tóc và lông mày rụng hết, mặt như lửa đốt móng tay móng chân thoát hết cả, đau khắp khớp xương chắc thế nào cũng chết.

Thế mà sau người này may gặp một ông già cho một bài thuốc, theo phép sắc uống không đầy nửa tháng thì khỏi. Hơn một năm đã sinh con cái vui thú gia đình.

Ông huyện thấy vậy hỏi bài thuốc là ấy thời người ấy nói chỉ có độc vị Thương nhĩ mà thôi. Chỉ là vị thuốc rẻ tiền mà phép chữa giản tiện, nên ông truyền bảo cho khắp huyện đều thi nghiệm, cũng thấy nhiều công hiệu. Có người bán đồ sơn là Vương



tiêu-Xuân. Tên Phan - trung - Lập ở Huyện Quan-vân, và tên Dương - Nguyên ở Huyện Hoài-an cũng bị bệnh ấy rồi đều khỏi cả.

Ở bên Tàu đã nhiều nơi dùng nó chữa đều cũng thấy khỏi, công nhận là một vị thuốc quý.

### **CÁCH CHẾ CAO THƯƠNG-NHỊ**

Sau tiết Lập thu có trùng ăn vào lá không dùng được, phải dùng sau tiết Tiểu thử, trước tiết Lập thu, hay là vào cuối tháng 7 hay là vào ngày mồng 5 tháng 5 càng tốt.

Bỏ rễ, còn thân cây, lá, quả dùng được cả; chặt ra từng đoạn ước chừng hai tấc, phơi khô.

Bỏ vào cái nồi đồng, nấu chừng ba giờ đồng hồ, dùng vải trắng lọc lấy nước trong; lại nấu chừng ba giờ nữa thành cao thì được.

Cứ mỗi cân Thương-nhị thì dùng 7, 8 cân nước, nấu thành cao ước chừng chia ba còn một.

Nếu lấy cao nhiều quá hơi nước ra không hết để lâu sinh meo mốc không dùng được.



Không nên cho thêm thuốc gì hay đường lẫn vào cao ấy.

Nước nấu cao phải dùng nước giếng, hay nước sông, thành cao rồi đổ vào cái liễn liễn lấy nắp gấn kín miệng cất đi cho cẩn thận, đừng cho hơi thấp và còn trùng vào được.

Cũng không nên động đậy đến luôn. Đổ vào chai nỏ hay phụt nút, nỏ chai và khó lấy.

### **CÁCH UỐNG CAO THƯƠNG-NHĨ**

Bệnh ở thượng bộ uống khi ăn cơm rồi.

Bệnh ở hạ bộ, uống khi trước ăn cơm.

Hòa với nước sôi, để hơi ấm mà uống mỗi ngày 2 đồng cân.

Bệnh nhẹ uống đến nửa tháng; Bệnh nặng uống từ một tháng đến hai tháng thì khỏi.

Dù bị bệnh ghẻ lở cũng có thể uống cao này được.



# *Các chứng bệnh*

---

## **1. — Bụng đau**

Một là vì hàn khí ứng-trệ. hoặc ăn uống đồ sống lạnh, hoặc cảm phải mưa gió mà đau bụng.

Lấy lá Ngải cứu thứ tươi hay thứ khô chừng 5 đồng cân (1 nắm vừa), đồ hai bát nước sắc lấy một bát, uống khi đói bụng hay ngay lúc đang đau ; thấy bớt, cứ uống thêm liều nữa, nhưng phải bớt đồng cân độ 3 đồng.

Hai là đau bụng đi tả. Dùng Hoắc-hương 1 đồng. Tử tô 1 đồng, Trần bì (bỏ xơ) 5 phân. Cơm nguội (sao cháy) 5 phân Gừng tươi 3 phiến.

Cho nước vào sắc uống khi đương nóng.

## **2. — Bị thương**

Khi ngã đau hay là bị cái gì đè phải mà chết ngất người ta hay tìm mật Gấu mà uống. Nhưng dùng lá Nhọ nồi (Hạn-liên-thảo)



đâm với ít hạt muối, vắt lấy nước đặc mà uống, còn bã đắp vào chỗ đau, cũng tốt như dùng mật Gấu không hại gì.

Khi phải nhiều dấu tích như bị cướp đánh v. v. trước hết lấy rượu rửa chỗ dấu tích cho sạch, rồi lấy Rau-má (liên-tiên-thảo) đâm với côm nguội rịt vào các nơi dấu tích cho chặt hoặc có sai khớp thì nắn lại, rồi sẽ buộc, đừng cởi ra cho đến khi khỏi hẳn.

Bị thương mà có ứ huyết, lấy cao Ich-mâu pha ít rượu mà uống, mỗi ngày hai lần.

### 3. — Cảm hàn

Cảm phải khi lạnh mà đau bụng, thì trong lấy rượu Ngải-cứu hoặc rượu gừng mà uống, ngoài dùng 5 đồng Ngải-cứu tẩm nước đậu đen dặt vào chỗ đứn.

Hoặc kiêm có thực tích, bụng dưới đau, đại tiểu tiện không thông, thời dùng lá Tia tô 3 lạng, bỏ vào nồi đun sôi, lấy khăn mặt nhúng vào nước ấy rồi vắt ráo nước đi, nhân lúc khăn đang nóng, xát ngay



vào đún người bệnh, xát cả bụng dưới nữa, nhưng bàn tay phải để trên khăn xát đi xát lại luôn, ngúi thời lại thay, làm như thế độ 3, 4 lần thời thông được cả. (Tủ-tô uất pháp)

#### 4.— Cước khí

Cước khí là bệnh đau sau gót chân, đau đến đầu gối, hoặc sưng hoặc không sưng, hoặc dật gân, co gân, đau không đi được, đều bởi thấp khí sinh ra.

A. — Dùng rễ và lá cây Bồ-công-anh sắc lấy nước mà uống khi đói bụng.

B. — Dùng lá Tia-tô, Cao-lương-khương (riềng), Trần-bì, ba vị bằng nhau tán nhỏ luyện mật mà viên bằng hạt ngô, mỗi lần uống với rượu 10 viên khi đói bụng.

Có người bảo vì ăn cơm trắng quá sinh bệnh phù chân, nên bỏ cơm trắng ăn cơm gạo đỏ thì khỏi; có người chỉ lấy cảm hòa ít đường cát mà ăn cũng khỏi.

Nếu có khát nước, lấy lá Hương-nhu sao vàng sắc làm nước mà uống.



5. — **Chân lở**

Hai bản chân lở, đốt kinh giới ra tro, đã hành tắm lấy nước, hòa với kinh giới mà súc. Nhưng trước khi súc phải lấy nước Cam-thảo, hoặc nước chè tươi, hoặc nước trầu-không, mà rửa cho sạch, chấm cho khô đã.

6. — **Chân tay phát đinh.**

Dùng một ít lá Ich-mẫu đã nhỏ đặt vào chỗ phát đinh, còn trong vắt lấy nước mà uống, đinh sẽ tiêu ngay.

7.— **Chân tay sưng đau**

Dùng lá Thương-nhi đã nhỏ, cho nước vào lọc trong mà uống, còn bã đặt vào ngoài chỗ đau sẽ khỏi ngay.

8.— **Chó-dại cắn**

Bị chó đại cắn lúc nguy cấp phải lấy ngay một miếng vải buộc trên chỗ cắn cho thật chặt, rồi lấy lá Tía-tô nhai nuốt nước, còn bã đặt vào chỗ bị cắn. Hoặc lấy Ngải khô cứu vào chỗ cắn cho chết độc đi.



Sau phải tìm thuốc chuyên-môn mà chữa cho khỏi hẳn.

**9.— Đản-bà đẻ bị bệnh lý**

Dùng một nắm hoa Kinh giới đốt cháy vừa vừa, cho vào một ti Xả-hương hòa với nước sôi mà uống.

**10.— Đản bà đẻ bị huyết bế  
không thông**

Dùng một lạng lá cây Ích-mẫu mà uống là hết.

**11.— Đản bà đẻ có máu cam**

Lấy hoa Kinh-giới sao khô, tán thành bột, mỗi lần uống 2 đồng, tổng với nước tiểu trẻ-con.

**12.— Đản bà đẻ có máu xâm**

Đản-bà đẻ rồi bị huyết xông lên, làm cho chóng mặt ngã ra, hình như cách trúng phong.

Lấy hoa Kinh-giới sao khô tán làm bột, mỗi lần dùng 2 đồng uống với nước tiểu trẻ con. Nếu răng nghiến chặt thì bôi vào



răng, miệng mím chặt thì xát vào lỗ mũi, đều khỏi cả.

**13. — Dân bà đẻ huyết ra nhiều quá**

a) Lấy hoa Kinh-giới sao đen, sắc nước mà uống sẽ cầm ngay.

b) Lấy lá Nhọ-nôi, lá Man-tươi vò lấy nước đặc mà uống.

c) Rau-má cả củ và rễ, rửa sạch vò lấy nước mà uống, hoặc sao vàng sắc nước mà uống cũng được.

**14. — Đau đầu chóng mắt**

a) Lấy cây Ké phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu, hoặc hoàn với mật bằng hạt ngô, mỗi lần uống với rượu độ 10 viên.

b) Dùng Tỏi 2 củ, lá Ngải 1 nắm, đun nhỏ cho rượu vào chưng lên đắp vào chỗ đỉnh đầu.

**15. — Đau đầu một bên hay chính giữa**

Dùng cây Nhọ-nôi đã nhỏ, vắt lấy nước đặc, nhỏ vào lỗ mũi 1, 2 lần sẽ khỏi.



**16. — Đau ngực và đau sườn**

Dùng lá Hương-nhu đã lấy 2 bát nước mà uống.

**17. — Đau xóc**

Đau ở hai bên hông thúc lên. Lấy lá Ngải, lá Rau-răm, cho một bát con nước vào sắc cách thủy cho sôi lên, đoạn bỏ mấy hạt muối vào mà uống.

Ngoài lấy lá Ngải cứu sao mà chớm.

**18. — Đi đại tiện ra máu**

a) Dùng Ngải-Cứu và Gừng sống 2 vị cân nhau, sắc uống.

b) Dùng hoa Kinh giới 1 lạng, hoa Hoè 1 lạng, đều sao khô tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước chè.

c) Dùng lá Ngải cứu 1 lạng, đậu đen một trăm hạt, sắc khi được rồi, cho một ít nước Gừng sống vào mà uống,

d) Hoặc phần ra trước, máu ra sau, lấy lá Ngải-cứu một nắm, Gừng sống một củ nhỏ, sắc uống lúc còn nóng.



### 19.— Đính độc

Đính sang là một bệnh rất độc, thường mọc sau gáy, lưng, hay là mông và chân tay.

a) Lấy lá Bồ-công-anh, lá Diếp-cá, đã nhỏ đắp vào sẽ tan.

b) Một nắm to Kinh-giới, cho vào năm bát nước sắc cạn còn một bát, chia làm hai lần uống, phải uống khi nguội.

c) Dã Ích-mẫu lấy nước đặc mà uống, còn bã đắp vào chỗ đinh.

c) Dùng một lạng Ngải-cứu đốt thành tro, bỏ vào cái ống tre tươi, đổ nước nấu cho đặc, rồi lấy nước ấy hòa với Vôi khuấy thành như hồ, trước lấy kim châm chỗ đinh, cho chảy máu độc ra, sau đắp thuốc ấy vào, độ 3 lần đã kiến-hiệu.

### 20. — Dầu và cổ bị phong tê cứng

Thường dùng hoa Kinh-giới làm gối mà gối đầu, hoặc làm nệm mà nằm.



**21. — Gái mới có kinh hay  
đau bụng đau lưng**

Dùng thứ Rau-má có hoa, phơi khô tán bột, mỗi ngày buổi sáng lấy Dấm thanh làm nước uống 2 thìa con.

Nếu có huyết ứ không thông, dùng 200 hạt Đào nhân bỏ vỏ, bỏ dầu, tẩm rượu, sao chín tán nhỏ hòa với năm lạng bột Rau-má viên bằng ngón tay nhỏ, mỗi ngày nuốt 30 viên, lấy rượu làm nước thang (uống thuốc này phải kiêng vùng đen).

**22. — Giống độc cắn**

Bị rắn cắn hoặc các giống trùng độc cắn.

a) Dùng lá Ngải cứu nhai nuốt nước, bã rịt vào chỗ cắn rất hay ; hoặc lấy lá Nhọ-nổi cũng làm như cách trên. Nhất là khi mới bị cắn lấy lá Ngải-cứu khô, cứu vào chỗ cắn, đến khi hết đau là khỏi.

b) Đâm lá Tia-tô lấy nước mà uống.

c) Lấy cây Bồ-công-anh đã nát đắp vào.

**23. — Hạ nang sưng đau**

Dùng lá Nhọ-nổi sắc với rượu mà uống, mỗi ngày uống hai lần, vài ngày là khỏi.



## 24. — Ho

a) Chữa ho gió, lấy lá Ngải cứu khô làm thuốc lá mà hút, hoặc dùng Rau-má đã ra rồi dầm với rượu ngon uống dần dần cũng khỏi.

b) Chữa ho ngựa cỏ, lấy cây Rau-má đã ra bột, hòa với đường cát hoặc với mật ong mà uống.

c) Những người ho khan, dùng Rau-má đã ra, rồi dầm với rượu vang ít lâu, uống mãi cũng khỏi.

## 25. — Hóc

Hóc tiền-đồng, hoặc hóc xương.

a) Lấy Rau má sắc cho uống, hoặc nhai nuốt nước, bã đắp vào ngoài cổ.

b) Dùng lá Ngải-cứu tươi, sắc với nửa nước, nửa rượu, uống dần dần tự nhiên khỏi.

## 26. — Hoác-loạn

Chứng hoác loạn trên thổ dưới tả. Dùng Hoác-hương, Trần-bì, mỗi vị 5 đồng, cho vào hai bát nước sắc lấy 1 bát, uống khi nóng. Hoặc dùng một nắm Hương nhu sắc uống khỏi ngay.



Còn có chứng can hoác loạn rất nguy, muốn thổ mà không thổ được, muốn tả mà không tả được, trong bụng đau rối rít bởi trong có ăn uống tích trệ, ngoài nhân gió lạnh ngăn lấp, phải dùng ngay nước muối thêm một ít phèn chua, hòa lẫn mà uống đoạn lấy tay móc cho mửa ra.

Các thuốc sau này uống cũng công hiệu :

- a) Vò lá Nhọ-nồi cho đặc mà uống.
- b) Dùng 1 nắm Ngải cứu, ba bát nước, sắc lấy 1 bát uống.
- c) Dùng Tử-tô thứ tươi, đâm lấy nước đặc mà uống, hoặc sắc thứ khô uống cũng được.
- d) Dùng Hoác-hương, Sa-nhân muối rang, 3 vị bằng nhau sắc uống.

### 27. — Hoàng-dản

Chứng này mặt mũi, tròng mắt, da thịt, nước tiểu đều vàng cả, dùng lá Bồ công anh sắc uống, hay làm nước chè uống thường cũng được.

Phải kiêng cơm, chỉ uống những nước chua và ăn canh rau.



### 28. — **Huyết-bạch**

Chứng này nước tiểu như hồ loãng hoặc như nước cơm. ở tinh cung theo lẫn nước tiểu mà ra như có đái huyết hơi đỏ gọi là xích trọc.

Dùng Trám một quả đốt thành than. Nhọ-nôi 1 nắm, đã lấy nước hòa lẫn nhau mà uống rất hay.

### 29. — **Huyết-băng**

Huyết băng là đản-bà thấy huyết ra mãi không止.

a) Dùng hoa Kinh-giới đốt trên ngọn đèn dầu vùng cho cháy, rồi tán thành bột, mỗi lần uống hai đồng với nước tiểu trẻ-con.

b) Dùng lá Nhọ-nôi 2 lạng phơi khô tán nhỏ, dẫn kỹ bỏ vào 4 lạng thịt lợn nấu như mả ăn.

### 30. — **Huyết-lậu**

Huyết lậu là đản-bà cứ thấy huyết ra rười rười.

a) Dùng hoa Kinh-giới 1 nắm tán thành bột uống với dấm thanh mỗi lần 1 đồng khi đói bụng.



b) Dùng Đất thỏ trắng, Lá-chanh, Rau má và đường phèn, phải lấy cho nhiều, vò lấy nước « tự nhiên » mà uống.

### 31. — **Huyết-trương**

Huyết trương là huyết ngừng trệ, bụng đầy trương lên.

Lấy cây Nhọ nồi, cả hoa và hột phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu.

### 32. — **Kiết**

Bệnh kiết là đại-tiện rặn khó đi, hoặc đi mỗi lần ít ít, có khi đau bụng, có khi đại-huyết.

Dùng cây Nhọ nồi 1 nắm, đã lấy nước đặc, hòa lẫn mật ong, mỗi ngày uống 3 lần khi đói bụng.

### 33. — **Khó đẻ**

Đàn bà đến kỳ sinh đẻ có phần khó khăn.

Đã lá Ích mẫu lấy 3 bát nước đặc, sắc cạn còn một phần nửa, uống cả một lần, nếu không có thứ tươi, thời dùng thứ khô sắc uống cũng được.



34. — **Lậu**

Bệnh lậu là đi tiểu buốt, một điễm một giọt, rỉ rỉ không ngớt, đau khổ khó chịu, muốn đi không đi được, muốn thôi không thôi được.

a) Lấy lá Bồ-công-anh, cây Cỏ mực, lá Mạ-đề, rễ Cỏ-săng, 4 vị bằng nhau sắc uống.

b) Lấy Rau má cả lá và củ, một nắm to nấu cháo ăn.

35. — **Ly**

Bệnh ly là trong bụng quặn đau, muốn đi đại tiện mà không đi được, gọi là «ly cấp hậu-trọng», hoặc đi ra đờm, gọi là «bach ly», hoặc đi ra huyết, gọi là «xích ly», có khi đi ra cả đàm lẫn huyết, gọi là «xích-bach-ly».

Chữa ly đi ra đàm (bach ly).

Dùng 4 lạng lá Ngải - cứu khô, 3 lạng Bào - khương ( Gừng đốt cháy ), 5 đồng vỏ Quít lâu năm, 3 vị ấy tán nhỏ, lấy bột gạo lâu năm (Trần mệ) làm hồ mà viên bằng hạt ngô, mỗi lần khi đói bụng uống 70 viên đến 100 viên tùy bệnh nặng nhẹ, tổng với nước Gạo rang.



Chữa đi ly ra huyết (xich-ly) :

Lấy cây Nhọ - nôi đã vắt lấy nước đặc nấu thành cao, uống mỗi lần một muống, mỗi ngày 3 lần.

Chữa Xich - bạch - ly hoặc ly lâu năm không khỏi :

a) Dùng một lạng Ngải-cứu, 1 lạng Trần bì, sắc lấy nước mà uống, hoặc tán nhỏ luyện với cơm và rượu viên bằng hạt ngô, mỗi lần uống 20, 30 viên, lấy nước muối làm thang.

b) Dùng Ích-mẫu phơi khô, Trần-diêm-mai đốt tồn tính, 2 vị cân nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng ; Bạch ly dùng nước Càn khương mà uống ; Xich ly dùng nước Cam thảo mà uống.

### 36. — Lỗ tai chảy mủ

Lấy lá Ích-mẫu đã lấy nước nhỏ vào lỗ tai sẽ khỏi.

### 37. — Lở giữa bàn tay

Chứng này gọi là Nga-chướng - phong, Dùng 4, 5 lạng Ngải-cứu, cho vào 4, 5 bát nước, sắc 6, 7 lần sôi, đoạn đổ vào cái bình



to miệng bịt vải lại 2 tầng, ghé lòng bàn tay để sắp vào trên miệng bình mà xông, nếu nguội thì lại làm cho nóng như trước ; rất hay.

38. — **Lưỡi chảy máu như bị đâm**

Lấy Hương-nhu sắc lấy nước đặc uống một bát mỗi ngày 3 lần.

39. — **Lưỡi đen**

Lấy cây Cỏ mực và lá Cối-xay ngâm vào nước nóng, để nguội rồi ngậm.

40. — **Lưỡi trắng**

Lấy lá Cỏ-mực đâm lấy nước đặc hòa với mật ong bôi vào rồi nhỏ đi, cạo lưỡi cho sạch.

41. — **Mắt có mộng thịt**

Lấy 3 lạng Bồ-công-anh cả cây và rễ và lá, đảm-phản 1 lạng, bỏ cả vào một cái bát sành, đổ rượu ngon vào, lấy cái bát khác úp lên, rồi lấy muối nhào đất dẻo gắn kín lại, để lên nồi than đỏ mà nung, khi nào Bồ-công-anh cháy ra than, lấy ra rải trên tờ giấy ướt, lấy bát khác úp lên, để nguội,



nghiền nhỏ như bột, bỏ trong lọ mà dùng.  
Sáng tối điểm vào con mắt.

#### 42. — **Mắt đau**

a) Đau mắt đỏ, dã Rau - má lấy nước trong má nhĩ vào rất hay.

b) Đau mắt nhiệt, lấy Rau má-tia và củ-Nghệ dã nhỏ đắp vào mí mắt thì khỏi.

c) Thuốc xông : lấy lá Nhọ-nồi, lá dâu, hai thứ bằng nhau, bỏ vào nồi dấy kín, đun sôi mà xông.

Nước xông này chữa khỏi mộng thịt lan ra gần con ngươi.

#### 43. — **Mắt toét**

Lấy nồi đất đổ vào một chén mật ong, canh đặc, lạng đi lạng lại cho mật lan khắp đít nồi, đoạn lấy Kinh-giới khô cả hoa cả lá, lá Bạc-hà khô, lá Ngải-cứu khô, lá Rau-má khô, các thứ đốt chảy cho khói bốc lên, rồi đem nồi lạng mật úp lên trên, cho khói vào nồi để nguội cạo lấy mật và khói ở trong nồi, bôi vào chỗ mắt toét.

Nếu ra g ió thường chảy nước mắt, tra thuốc này cũng hay.



#### 44. — **Máu cam**

Chứng này mũi thường chảy máu sặc Tào gọi là « nục huyết », ta gọi là đồ máu cam.

a) Dùng một nắm Rau - má nhai nhỏ đắp vào mũi, lấy tay đè lại một lúc, cầm máu ngay.

b) Đốt lá Ngải - cứu thành tro, thổi vào mũi, hoặc sắc uống cũng được.

c) Dùng Cỏ - mực cả cây và lá, đã lấy nước đặc, chế một chén nước tiểu vào uống.

d) Dùng Hương - nhu nghiền nhỏ hòa với nước mà uống 1 đồng.

#### 45 —. **Miệng hôi thối**

a) Lấy một nắm Hương - nhu sắc lấy nước đặc mà ngậm súc.

b) Sắc Hoắc hương củ, lấy nước ngậm súc luôn.

#### 46. — **Mồ hôi không ra**

Nấu chè tươi với Hương nhu mà xông, đắp chặn lại mồ hôi sẽ ra.



**47. — Mồ hôi-trộm**

Khi ngủ mồ-hôi ra, thức dậy thì hết. Dùng lá Ngải-cừu 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Ô-mai 3 quả, cho vào một bát nước sắc lấy 8 phần, uống nóng trước khi đi ngủ.

**48.— Mộng-tĩnh**

Trong khi nằm ngủ thấy chiêm-bao mà tỉnh ra, Dùng Tô - tử sao nghiền cho nhỏ, mỗi lần uống một thìa lớn, lấy rượu làm nước thang.

**49. — Mũi nước (sổ-mũi)**

Mũi thường chảy nước trong ra. Dùng lá Hương-nhu phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng.

**50. — Mũi chảy nước đục**

Mũi chảy nước đục hôi-thối, Sách gọi là chứng «Ty-uyên» Dùng quả ké (Thương-nhị) sao nghiền cho nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với nước lã.



**51. — Mũi và miệng chảy máu**

Dùng hoa Kinh-giới đốt cháy tán bột, mỗi lần uống hai đồng, dùng Trần bì làm nước thang, uống hai lần là khỏi.

**52. — Mụn trứng-cá**

Lấy nước Ích - mẫu rửa mặt luôn thì mụn sẽ lặn hết.

**53. — Mụn-lở**

a) Dùng cả cây và lá cây ké, đem về phơi héo thái ra, nấu thành cao, gọi là « Vạn-ứng cao ». Lấy cao này xức vào sẽ tan.

b) Lấy Rau-má dã với muối dặt vào chỗ mụn sẽ tan.

c) Chữa mụn sâu quảng, lấy lá Nhọ-nồi rang cháy tán bột rắc vào sẽ khỏi.

**54. — Mụn phát sau lưng**

Sách gọi là Mụn « phát-bối » rất nguy. Lúc mới phát mà phát nóng sưng cả, chưa có mủ, lấy giấy bản thấp nước đắp vào xem chỗ nào khô trước là ngồi ở chỗ ấy. Dùng Ngải mà cứu bất kỳ mấy mồi, hễ



đau lắm thì cứ mãi cho đến khi không đau, nếu không đau thì cứ mãi cho đến khi thấy đau, độc khí tự khắc tiêu-tán, nếu không tiêu-tán nữa, cũng không đến nỗi chạy vào trong được.

**55. — Nôn-Mửa**

Chứng này sách thường gọi là “**Âu-thồ**”.  
Dùng Hoác-hương, Trần-bì, 2 vị đều 5 đồng, cho hai bát nước vào, sắc lấy 1 bát uống khi nóng. Nếu chỉ nôn khan thì dùng lá Ngải cứu tươi đã lấy nước mà uống.

**56. — Nặc-cụt**

Chứng này sách gọi là “**Ách-nghịch**”.  
Dùng lá Tử-tô sắc đặc uống một lần 3 bát khởi ngay ; hoặc cứ uống một bát nước lạnh, uống một hơi cho hết là khởi.

Cách chữa mẹo : làm cho kẻ nức phải sợ bất thình-linh, hoặc làm cho tức-dận lên thì tự nhiên thôi nức.

**57.— Nhọt-vú**

Đàn-bà dễ thường hay bị nhọt ở vú (Nhự-ung), sưng đau khổ sở.



a) Lấy Bồ công-anh 3 đồng, Kim-ngân-hoa 3 đồng, hai vị sắc xong cho ít rượu vào mà uống trước khi ăn cơm.

b) Lấy Bồ-công-anh đã với ít hột muối rịt vào chỗ vú.

c) Sắc Tử-tô lấy nước uống luôn, còn bã đắp vào chỗ mụn.

d) Lấy lá tươi cây Ích-mẫu đã nhỏ rịt vào vú một đêm là mụn tiêu được ngay.

### 58.— **Phung-hủi**

Bệnh phung-hủi rất nguy hiểm, nó ăn ở ngoài da, một là có vẩy cứng tròn đỏ đỏ lủi sủi lên, hai là trong mình thấy nổi lên từng giát một, dầy da ra, tiếng nói khan khan v.v. : ba là mặt mũi chân tay sưng lên, mý mắt và môi rụ xuống ; bốn là có khi răng rụng đi, mũi tẹt vào. Bệnh này rất hay lây.

Khi mới bị bệnh, uống cao Thương-nhi trong vài tháng cũng khỏi.

### 59.— **Quai-bị**

Sau mà tai tự nhiên sưng to lên, phát sốt phát nóng.



Lấy lá Hoắc-hương đã nhỏ trộn dầu vừng mà rịt vào sẽ khỏi ngay.

### 60.— Răng máu chảy

Chân răng tự nhiên chảy máu ra, sách gọi là « Xỉ nục ».

a) Dùng một nắm Rau-má nhai nhỏ rồi nuốt nước đi.

b) Dùng Hương-nhu tán nhỏ hòa với nước uống mỗi lần 1 đồng.

### 61.— Răng đau

a) Dùng cao Thương-nhị xức cũng khỏi. Lấy Ngải-cửu với Hương-phụ sắc đặc lấy nước ngậm.

### 62.— Sán lại

Sán lại (bưu-trùng) bởi vì ăn rau, thịt sống mà sinh ra, thường thấy lợm dọng luôn, lúc đói hay nôn-chôn, hay thổ ra nước miếng.

Dùng một nắm lá Ngải-cửu, 3 bát nước, sắc lấy 1 bát mà uống, thì thổ được trùng ra.



Hoặc đâm lá Ngải-cứu tươi, vắt lấy một bát nước, để đến canh năm, bụng đói, trước nhai một miếng chả nướng cho thơm, rồi nhả ra, sau uống nước Ngải-cứu, độ 15 phút hay nửa giờ, sản lại theo đại tiện ra hết.

### 63.— Sốt rét

Sốt rét từng cơn, thường khi cơn rét trước, miệng run lập cập, da bắn ốc lên, hết cơn rét đến cơn sốt, thì khát nước, nhức đầu.

Dùng Rau-má, Cỏ mực, lá Na, 3 thứ bằng nhau, sắc lấy nước, rồi thêm Chu-sa tán nhỏ 1 đồng, sắc xong đổ vào bát, lấy vải bịt kín, đem phơi sương 1 đêm, sáng mai, bụng không uống rất hay.

### 64.— Tả

Bệnh tả là đi ngoài nhiều lần hay ít lần mà đi ra những phân lỏng, có khi đau bụng có khi không, chân tay buồn bã. Có khi bệnh tả rất nặng, trên thổ dưới tả, khát nước vô số, chỉ trong vài giờ có thể chết được.



Lỡ bị bệnh tả, phải kiêng cơm, chỉ ăn cháo nước mà thôi ; khát thì uống nước Gạo sao chảy, hoặc nước Hoắc-hương.

1. — Chữa bệnh nhiệt-tả : Dùng Rau-má và Trần-mệ (gạo lâu năm), 2 vị bằng nhau, sắc lấy nước, chế nửa chén con nước mắm ngon lâu năm vào mà uống.

2. — Chữa bệnh hàn-tả : Dùng Hoắc-hương 5 đồng, Trần-bì 2 đồng (sao), lấy 5 lạng Hoàng-thổ (đất vàng) đâm nhỏ hòa với nước, để hồi lâu cho đứng lại, đoạn lấy nước trong sắc 2 vị trên mà uống ; lại dùng muối để vào dún cho đầy, lấy Ngải-cứu khô vò bằng hột Nhãn để trên muối mà đốt, đốt 15 lần thấy khỏi đau thì thôi. Hoặc dùng Hoắc-hương 3 đồng, Tô-ngạnh 3 đồng sắc nước mà uống.

3. — Chữa bệnh tả không phân hàn nhiệt :

a) Hoắc-hương 5 lạng, Rau-má 5 lạng, cứ sắc uống thường.

b) Hương-nhu 4 lạng, Hoắc-hương 1 lạng, Đinh-hương 1 đồng, sắc kỹ mà uống, 3 lần khỏi ngay.



### 65.— Tia lưỡi

Trẻ con mới đẻ hay có chứng tia lưỡi, lắm khi đẻ lâu lưỡi trắng, vấp mồm có thể chết được.

a) Lấy cây Nhọ nồi đã lấy nước đặc, lấy miếng vải quấn vào ngón tay, nhúng nước ấy mà sát vào lưỡi.

b) Lá Nhọ-nồi, lá Rau-ngót đều một nắm, vò ra vắt lấy nước, cho vào 1 đồng Hàn-the (phi), tán nhỏ, hòa vào nước ấy lấy lông gà rửa nước sôi cho sạch, nhúng vào thuốc mà bôi vào lưỡi.

### 66. — Tiêu-tiện bí

Nước tiểu đi không được, dùng lá Bồ-công-anh sắc nước mà uống thì tự nhiên thông.

### 67. — Tiêu-tiện ra máu

Tiểu-tiện tự nhiên ra máu, sách gọi là « niểu-huyết ».

a) Đã lá Ích-mẫu vắt lấy nước đặc mà uống khỏi ngay.

b) Hoa Kinh-giới, Sa-nhân, hai vị cân nhau, tán bột, mỗi lần uống ba đồng, tổng với nước gạo nếp ngày ba lần.



**68. — Thai bị đau bụng**

Lấy 1 nắm lá Ngải-cứu, hoặc lá Tử tô vò lấy nước đặc mà uống.

**69. — Thai bị đẻ non**

Có thai chưa đến kỳ mà xảy ra, sách gọi là « Tiểu sản ».

Khi đã có thai thường phải dùng lá Ngải-cứu tươi một nắm to rửa sạch, bỏ vào trong bụng con gà cho đầy, khâu lại, ninh cho thật nhừ, rồi ăn cả gà và Ngải-cứu ; cứ mỗi tuần lễ ăn một lần như thế, thời không có chứng động thai và đẻ non nữa.

**70. — Thai bị thương-hàn**

Lấy một nắm lá Ngải-cứu, 1 nắm Hành-hoa, hai vị sắc với rượu mà uống cho mồ-hôi ra là khỏi.

**71. — Thai chết trong bụng**

Dã lá Ích-mẫu cho vào một ít nước nóng, lọc lấy nước trong mà uống, thì thai chết tự ra.

**72. — Thai động không yên**

Dùng lá Ngải-cứu 2 lạng đồ bốn bát nước, sắc lấy 2 bát, chia làm hai lần uống.



**73. — Thai mưa ra nước chua**

Dùng Hương-nhu, Hoắc-hương, Cam-thảo, mỗi lần gia ít muối vào uống, 2 đồng tổng với nước nóng.

**74. — Thổ-huyết**

Tự nhiên thổ ra huyết.

a) Lấy lá Tử-tô, lá khế hai vị cân nhau sắc nước uống.

b) Lấy lá Nhọ-nổi đốt thành than hòa nước nóng mà uống.

**75. — Thuốc bền răng**

Bài « Hoàn-tiến-dơn » :

Dùng một cân Bồ-công anh cả rễ và lá rửa sạch phơi trong nhà cho khô ; Muối 1 lạng, Hương-phụ 5 đồng.

Hai vị sau tán nhỏ lần vào Bồ-công-anh, ướp một đêm chia làm 20 phần, vắt thành từng gói, lấy giấy bọc lại ba bốn từng, ngoài lấy đất trét kín, cho vào bếp nướng, bao giờ đỏ thì lấy ra để nguội. gỡ đất bọc ngoài, lấy thuốc tán bột mỗi ngày sáng và chiều xát vào răng, rồi nuốt hay nhổ ra tùy ý, làm như thế hàng tháng sẽ thấy hiệu nghiệm.



**76. — Thuốc bổ trẻ con**

Lấy củ Rau má rửa sạch phơi khô, tán bột, nấu cháo cho trẻ con ăn rất bổ.

**77. — Thuốc cầm máu**

Bị thương cái gì mà máu chảy ra.

a) Dùng 1 nắm lá Nhọ-nổi, đặt vào chỗ bị thương, huyết sẽ cầm ngay.

b) Dùng một nắm lá Tử-tô non, đâm hơi đâm-dập, đặt vào chỗ bị thương, đã cầm được máu, lại không có sẹo.

c) Lấy lá Ngải-cửu đốt thành than nghiền nhỏ rắc vào.

**78. — Thuốc chữa nha-phiến**

Dùng Bồ-công-anh cả cây, rửa sạch thái nhỏ, nấu với thịt nạc. ăn xong, sẽ đi tả, dầu có mệt cứ nằm ngủ, đến lúc tỉnh dậy, sẽ vô sự, không phát bệnh gì cả, cứ làm như thế mãi, rồi nghiền hết.

**79. — Thuốc dã rượu**

Lấy lá Kinh-giới sắc làm nước chè mà uống thì tỉnh ngay.

**80. — Thuốc đen tóc**

Dùng cây Nhọ-nổi nắm cân, chọn thứ xanh non, lấy từ chỗ cách đất một đoạn



(kiêng lửa) ngắt bỏ lá vàng đã cho nhuộm, bỏ vào miếng vải sạch, vắt lấy nước cốt, lại lấy miếng lụa lọc lại lần nữa, đựng vào trong cái bát phoi nắng, được 5 ngày, lại hòa lẫn 1 cân nước gừng, một cân mật ong, rồi lại phoi nắng thường lấy canh cây Liệu khuấy luôn, bao giờ thấy đặc như đường là được ; mỗi ngày sớm và trưa uống một muổng với rượu. Nếu muốn làm hoàn, thì lại phoi nắng, xem bao giờ có thể viên được thì viên bằng hạt ngô, mỗi lần uống 30 viên.

**81.— Thuốc đẹp da**

Lấy lá Ích-mẫu đã lấy nước mà rửa mặt luôn, thời da mặt sẽ được hồng hào tươi tốt.

**82.— Thuốc tắm trẻ con**

Trẻ con mới sinh, lấy 5 lạng Ích-mẫu nấu nước tắm, sau không bao giờ sinh ghẻ lở.

**83.— Thương hàn khí suyễn**

Dùng một nắm Tử tô đồ ba bát nước, sắc lấy một bát uống dần dần.

**84 — Thương hàn phát nóng rét**

Dùng 5 đồng lá Ngải cứu, đồ một bát nước, sắc còn nửa bát, uống một lần cho hết, ra mồ hôi là khỏi.



### 85.— **Thương thử**

Cảm phải khi nắng phát nóng mê-man.

a) Lấy lá Hương - nhu 3 lạng, đã vắt lấy nước hòa vào trong nước tiểu trẻ con mà uống.

b) Lá Tia-tô 3 lạng, lá và củ Rau-má 3 lạng, lá Hành hoa 3 lá, Hương-nhu 3 lạng, các vị đã nhỏ lỏng trong mà uống.

### 86.— **Thủy thũng**

Chứng thủy thũng là bệnh phù nước, bụng sưng, chân tay thân thể đều thũng.

a) Dùng Hương nhu thứ khô mười cân, đâm dập bỏ vào nồi đồ nước ngập quá ba tấc nấu cho ra hết khi vị, rồi gạn cho trong, lại đốt lửa nhỏ nhỏ, nấu đến bao giờ viên được, thời viên bằng hạt ngô mỗi lần uống 5 viên, mỗi ngày 3 lần, dần dần lại nuốt thêm lên, bao giờ đại tiện lợi là khỏi.

b) Dùng Hương-nhu một cân nấu thành cao, bỏ bã, rồi gia một lạng Ý dĩ (tán nhỏ), hòa lẫn mà viên như hạt ngô, mỗi lần dùng nước cơm nuốt 10 viên, ngày 5 lần, đêm một lần.



c) Nếu bệnh tiêu - khát mà biến thành bệnh thủy thũng, thì dùng Tử-tô sao, Lá Bạc tử (hột cải củ) mỗi vị 3 lạng, tán nhỏ dùng mỗi lần dùng 3 đồng, lấy Tang-bạch-bì sắc làm nước thang mà uống.

### 87— **Tràng-nhạc**

Bệnh Tràng-nhạc là có hạch mọc nơi cổ, sách gọi là bệnh « loa lịch »

Dã là Rau má lấy nước uống, hay là phơi khô nấu làm nước chè mà uống luôn sẽ tiêu hết.

### 88 — **Trĩ**

Bệnh trĩ là mụn mọc xung quanh hậu môn, hay trong ruột cùng ; khi những mụn ấy vỡ ra thì có máu chảy mà đau.

a) Dùng một nắm to lá Cỏ-mực cả rễ, dã vào cối đá cho nhuyễn như bùn, lấy một chén rượu Cúc rót vào vắt lấy nước đặc mà uống, còn bã đặt vào chỗ nổi mụn chỉ ba lần là khỏi.

b) Dã lá Ích - Mẫu lấy nước đặc uống hàng ngày.

c) Nấu nước Kinh-giới hàng ngày rửa luôn.



**89.— Trẻ con bị phong vào lộ dún**

Bệnh này gọi là bệnh « Tê-phong », rồi sinh ra các chứng như bụng đầy, phát kinh, rung dật v. v. . .

Dùng lá Ngải-cửu đốt thành tro, đặt vào giữa dún rồi băng lại. Hoặc đã tãi đặt vào dún mà cứu, bao giờ trong miệng nó nghe có mùi Ngải-cửu là khỏi.

**90.— Trẻ con cam lý**

Lấy lá non Ích - mẫu thái nhỏ, nấu với cháo gạo cho ăn, bao giờ khỏi thì thôi.

Hoặc đã nhỏ vắt lấy nước mà uống cũng được.

**91.— Trẻ con cam sang**

Dùng 1 lạng lá Ngải - cửu đồ một bát nước sắc uống.

**92. — Trẻ con chậm mọc tóc**

Dùng 2 lạng Hương-nhu thừ củ, đồ vào một bát nước, sắc cho đặc hòa thêm nữa lạng mỡ lợn, cứ ngày bôi vào đầu thì tóc sẽ mọc.



**93.— Trẻ con kinh giản**

Trẻ con tự nhiên trợn mắt méo mồm, chân tay rung dật, gọi là bệnh kinh-giản.

**94.— Trẻ con lở lảy**

a) Đốt lá Ngải cứu ra tro, tán nhỏ rắc vào.

b) Dùng lá Ích - mẫu sắc lấy nước mà rửa.

c) Dùng lá kê sắc nước mà tắm.

**95.— Trẻ con phát nóng**

Lấy lá Rau-má, lá Bạc-hà, lá Mạ-đề, ba vị bằng nhau sắc uống. Hay là chỉ lấy nước Rau má mà cho uống cũng khỏi.

**96.— Trẻ con thoát giang**

Dùng hoa Kinh giới, quả Bồ-kết, hai vị bằng nhau, nấu nước mà rửa vào giang-môn sẽ thu vào.

**97.— Trúng phong**

Bị gió độc ngã ra, bất tỉnh nhân - sự, miệng méo mắt xéch, ta thường gọi là « phải gió ».



Dùng hoa Kinh giới 1 cân, lá Bạc - hà tươi 1 cân, hai thứ đã nát lấy vải vắt lấy nước đặc, cho vào bát nấu thành cao, còn bã lọc bỏ đi một phần ba, lấy 2 phần phơi khô tán bột, hòa lẫn với cao đã nấu trên, viên bằng hạt đậu, mỗi ngày sáng và chiều uống hai lần, mỗi lần 30 viên, tổng với nước nóng; phải kiêng ăn những đồ động phong. (Thuốc viên này phải làm sẵn phòng khi cấp cứu).

**98.— Vết lở loét**

Lấy một nắm lá Nhọ-nổi nhai dặt vào, hay đốt thành than tán nhỏ rắc vào.

**99.— Vôi ăn tạy**

Lấy lá Nhọ nổi xát vào sẽ thấy êm dịu ngay.

**100.— Yết hầu**

Hoặc ở bụng trên hay họng dưới sưng mà đau, ăn uống không được, tục gọi là bệnh Yết-hầu, bệnh này rất nguy hiểm,



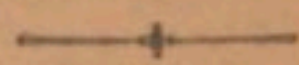
a) Đam Ngải-cửu tươi lấy nước nuốt dần ; hoặc dùng một nắm thân và lá Ngải-cửu, đâm lẫn với dấm dặt vào cổ - họng, không có Ngải - cửu, dùng thứ khô cũng được.

b) Dùng lá Ích - mẫu đã nhỏ dầm với nước lã mới múc, vắt lấy nước đặc mà uống, mưa ra là khỏi.

a) Lấy Rau-má tươi vò cho nhuyễn, ngâm vào bát nước lã rồi uống.



## *Giải nghĩa các chữ khó*



### A

**Àc độc** : Độc ghê gớm.

**Ắc thũng** : Chỗ sưng nguy hiểm.

**Ăch nghịch** : Nắc cụt.

**Âm hư** : Kém những chất mát mẻ tư nhuận.

**Âm tà** : Tà thuộc về âm như hàn thấp v. v.

**Âm thư** : Mệt phát không đỏ.

**Âu nghịch** : Cũng như thổ nghịch.

### B

**Bạch đới** : Có chất nước đục trắng thường ra ở âm môn.

**Bài nung** : Làm cho bột mủ.

**Băng huyết** : Huyết ra như xối.

**Biểu** : Ở ngoài tầng gia.

**Biểu khí** : Khí ở ngoài da.

**Biểu tà** : Tà-khi ở ngoài.

**Bưù trùng** : Sán lại,



## C

**Cách** : Chứng nghẹn.

**Cách thủy** : Cách một tầng nước mà sắc.

**Cảm mạo** : Bệnh cảm phải khi gì.

**Chỉ huyết** : Cầm máu.

**Chỉ thống** : Đỡ đau.

**Chính khí** : Khí tốt trong người.

**Chu tý** : Đau khắp cả mình,

**Chuyển cân** : Gân chuyển động.

**Cước khí** : Đau sưng ở sau gót chân.

**Cuồng tảo** : Bệnh cuồng dại.

## D

**Dẫn đạo** : Thuốc đưa đường.

**Dương khí** : Khí nóng trong người.

**Dương thử** : Bệnh cảm nắng thuộc nhiệt.

## Đ

**Đại** : Bệnh thường có nước đặc ra ở âm-môn.

**Điên giảo** : Bệnh mà khi phát lên, ngửa ngả ra, con mắt trợn.

**Đinh sang** : Sang lở thành đinh.

**Đơn độc** : Chỗ sưng đỏ hoặc lở lảy.



## G

**Giang mai** : Tên bệnh hoa-liều.

## H

**Hạ huyết** : Huyết ra tiền-âm và hậu-âm.

**Hàn khí** : Khí lạnh.

**Hòa hoãn, tư dưỡng** : Bỏ một cách thông thả,

**Hoắc loạn** : Trên mưa dưới tả, có cách huy-hoác rồi loạn.

**Hoàng đản** : Vàng da.

**Hoạt huyết điều kinh** : Làm cho huyết được thông lợi, điều được kinh nguyệt.

**Hư lý** : Chứng lý thuộc hư.

**Huyết nghịch** : Huyết đi ngược lên.

**Huyết phong** : Huyết kém sinh ra phong, tức là phong ở trong huyết.

**Huyết trướng** : Bị huyết ngưng trệ thành bệnh trướng.

**Huyết vãng** : Chóng mắt ngã ra.



## K

**Kích thích** : Làm cho xúc động lên.

**Kiết hạch** : Có hạch kiết lại.

**Kiết khí** : Khi kiết lại.

**Kiết lý** : Tức là bệnh lý.

**Kinh bế** : Kinh huyết không xuống.

## L

**Lám, lậu** : Đi tiểu giắt mà đau.

**Lậu hạ** : Tức là lậu huyết.

**Lậu huyết** : Huyết cứ ra rỉ rỉ không ngớt.

**Lợi phế** : Làm cho phế-khi thông lợi.

## N

**Năm tạng** : Tâm, can Tỳ, Phế, Thận.

**Nghịch khí** : Khi nghịch lên.

**Nguyên khí** : Cũng như chữ chính-khi.

**Nhiệt độc** : Độc thuộc về khí nóng.

**Nhuận trường** : Làm cho đại tiện nhuận hoạt.

**Nục huyết** : Đỏ máu cam,



**O**

**Ôn dịch** : Bệnh truyền nhiễm thuộc về khí thấp nhiệt.

**Ôn noãn** : Ấm-áp.

**Ôn trung** : Ấm ở tỷ vị.

**P**

**Phát tán** : Làm cho mồ hôi ra.

**Phiền muộn** : Phát phiền mà buồn bực.

**Phiên-vị** : Ăn rồi hồi lâu thì mửa ra.

**Phong thủy** : Bệnh thủy-thũng thuộc phong.

**Q**

**Quỷ tà** : Ma quỷ.

**Quyết lạnh** : Tay chân lạnh từ ngoài lạnh vào.

**S**

**Sa lâm** : Đi tiểu ra như cát.

**Sán khí** : Đau ở bụng dưới hoặc đau ở âm-nang.

**Sáu phủ** : Vị, Đại - trường, Tiểu - trường, Đờm, Bàng-quang và Tam-tiêu.



## T

**Tà-khí** : Khí ở ngoài cảm vào hay khí ở trong làm ra bệnh.

**Tam-lý** : Huyết ở ống chân, cách đầu gối một tấc tây.

**Tân dịch** : Chất nhựa, chất nước trong mình.

**Tân ôn** : Vị cay khí ấm.

**Táo liệt** : Khô ráo mạnh liệt.

**Thai lậu** : Có thai mà huyết ra.

**Thai tiền, sản hậu** : Trước khi có thai, sau khi sinh đẻ.

**Thận âm** : Chất mát ở thận.

**Thanh huyết** : Mát chất máu.

**Thấp tà** : Tà khí thuộc về chất ướt.

**Thổ huyết** : Thổ ra máu.

**Thổ nghịch** : Mửa mà khí nghịch lên.

**Thông sướng** : thông đạt khoan khoái.

**Thử khí** : Khí năng.

**Thuần âm** : Hoàn toàn âm khí.

**Thuần dương** : Dương khí hoàn toàn.

**Thực độc** : Đồ ăn có chất độc.

**Thực tích** : Đồ ăn uống tích lại.



**Thương thử** : Cảm nắng.

**Thủy thũng** : Vì nước ngưng trệ mà thũng lên.

**Tiết tả** : Đi đại tiện lỏng mà đi nhiều.

**Tồn tính** : Không đốt tàn quá.

**Tráng dương** : làm cho dương khí mạnh lên.

**Trệ khí** : Khí ứng trệ lại.

**Trị lậu** : Bệnh lở đầu giang môn, đau ngứa có huyết.

**Trục lạnh** : Đuổi khí lạnh ra.

**Trung khí** : Khí ở tỷ vị.

**Trùng thống** : Đau bụng vì trùng.

**Trường hoạt** : Đại trường không kiên cố.

**Trường sinh** : Sống lâu.

**Từ nhuận** : Giúp thêm chất nước.

**Túc thái âm** : Đường kinh thuộc tỷ.

**Túc thiếu âm** : Đường kinh thuộc thận.

**Túc quyết âm** : Đường kinh thuộc can.

## U

**Uất nhiệt** : Khí nóng uất lại.

**Uế khí** : Hơi không sạch sẽ.

**Uế trọc** : Chất hôi thối.



V

**Vị khí** : Hơi ở trong dạ-dầy, hơi ấy rất quan hệ về sự sống.

**Vô danh thông độc** : Tự nhiên sưng thũng lên một chỗ nào.

X

**Xích bạch đới** : Xích-đái là nước ra đỏ, bạch-đái là nước ra trắng.

Y

**Yết hầu** : Yết là chỗ nuốt xuống hầu là chỗ cuối cùng cái lưỡi, tức là chỗ cơm nước xuống.



---

# Việt-Nam Văn-Học

NGÔ-TẮT-TỔ chủ trương

**6 cuốn trọn bộ**

dày trên dưới 1000 trang

Hạng giấy thường từ 6 \$ 00 trở lên

Hạng Đặc biệt từ 20 . 00 —

# Việt-Nam Dược-Học

PHÓ - ĐỨC - THÀNH

Quản-lý vĩnh-viễn hội Y-học Trung-kỳ  
chủ-trương

**12 cuốn trọn bộ**

dày trên dưới 2000 trang

Hạng giấy thường từ 10 \$ 00 trở lên

Hạng Đặc biệt từ 30 . 00 —

# Việt-Nam sử-học

Về thế kỷ thứ 18

PHAN-TRẦN-CHÚC chủ-trương

**6 cuốn trọn bộ**

Hạng giấy thường từ 6 \$ 00 trở lên

Hạng Đặc biệt từ 20 . 00 —

---

**Nhà in MAI-LINH Hanoi xuất-bản**

---

T. B. — Cuốn thứ nhất các bộ sách trên hiện đã bắt đầu in và trong năm 1942 thì in xong cả toàn bộ. Soạn và in những bộ sách này rất là tốn kém vậy chúng tôi chỉ trông ở tấm lòng sốt sắng của các ngài đối với văn, sử và y học nước nhà đặt mua trước giúp cho.

---



---

# **Việt nam dược học**

## **in làm 12 cuốn**

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày  
trên dưới 3000 trang khổ  $12 \times 19$  — in làm 2 hạng :

**Loại giấy thường** bán từ : **10\$** trở lên

**Loại giấy đặc biệt** bán từ : **30\$** trở lên

thêm 2\$00 cước gửi ngoài.

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng  
Janvier 1942 phải trả :

Loại giấy thường 7\$00

Loại đặc - biệt 12\$00

} cả tiền cước gửi

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février  
1942 phải trả :

Loại giấy thường 7\$00

Loại đặc - biệt 12\$00

} và thêm 1\$92

} tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi :

Loại giấy thường 1\$00

Loại đặc biệt 3\$00

} cả tiền cước

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

**Nhà in Mai-Linh Hanoi**

là nhà đã nhận xuất-bản

**các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ**

---



# **Việt-Nam văn-học**

do NGÔ TAT-TỔ chủ-trương

**1.) Lý triều văn học**

**2.) Trần triều văn học I**

**3.) Trần triều văn học II**

**4.) Lê triều văn học I**

**5.) Lê triều văn học II**

**6.) Nguyễn triều văn học**

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

**Loại giấy thường bán từ 6\$00 trở lên.**

**Loại đặc biệt — 20.00 trở lên.**

thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng  
Janvier 1942 phải trả :

|                  |        |                     |
|------------------|--------|---------------------|
| Loại giấy thường | 4\$00  | } cả tiền cước gửi. |
| Loại đặc biệt    | 12. 00 |                     |

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng  
Février 1942 phải trả :

|                  |        |                     |
|------------------|--------|---------------------|
| Loại giấy thường | 5\$00  | } cả tiền cước gửi. |
| Loại đặc biệt    | 15. 00 |                     |

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

|                  |       |                 |
|------------------|-------|-----------------|
| Loại giấy thường | 1\$00 | } cả tiền cước. |
| Loại đặc biệt    | 3. 00 |                 |

**Nhà in Mai-Linh Hanoi xuất-bản**